

MỤC LỤC

TT	Chủ đề	Tên bài	Trang
1	Chủ đề 1: Ôn tập và bổ sung	Bài 1: Ôn tập các số đến 100	3
2		Bài 2: Tia số. Số liền trước, số liền sau	6
3		Bài 3: Các thành phần của phép cộng, phép trừ	9
4		Bài 4: Hơn, kém nhau bao nhiêu	12
5		Bài 5: Ôn tập về phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100	15
6		Bài 6: Luyện tập chung	17
7	Chủ đề 2: Phép cộng và phép trừ trong phạm vi 20	Bài 7: Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20	20
8		Bài 8: Bảng cộng qua 10	24
9		Bài 9: Bài toán về thêm, bớt một số đơn vị	26
10		Bài 10: Luyện tập chung	29
11		Bài 11, 12: Phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20. Bảng trừ	31
12		Bài 13: Bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị	35
13	Chủ đề 3: Làm quen với khối lượng, dung tích	Bài 14: Luyện tập chung	38
14		Bài 15: Ki lô gam	40
15		Bài 16: Lít	42
16		Bài 17, 18: Thực hành và trải nghiệm các đơn vị đo ki - lô - gam, lít. Luyện tập chung	44
17	Chủ đề 4: Phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100	Bài 19: Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số	47
18		Bài 20: Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số	49

19		Bài 21: Luyện tập chung	51
20		Bài 22: Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số	52
21		Bài 23: Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số	56
22		Bài 24: Luyện tập chung	58
23	Chủ đề 5: Làm quen với hình phẳng	Bài 25: Điểm. Đoạn thẳng. Đường thẳng. Đường cong. Ba điểm thẳng hàng	61
24		Bài 26, 27, 28: Đường gấp khúc, hình tứ giác. Thực hành gấp, cắt, xếp, vẽ hình. Luyện tập chung	63
25		Bài 29: Ngày giờ. Giờ phút.	67
26	Chủ đề 6: Ngày giờ. Giờ phút. Ngày tháng	Bài 30, 31: Ngày tháng. Thực hành và trải nghiệm xem đồng hồ, xem lịch	70
		Bài 32: Luyện tập chung	72
27		Bài 33: Ôn tập về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10, 100	77
28	Chủ đề 7: Ôn tập cuối học kì 1	Bài 34: Ôn tập về hình phẳng	84
29		Bài 35: Ôn tập về đo lường	88
30		Bài 3: Luyện tập chung (Một số đề thi cuối học kì 1)	91

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

BÀI 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100

Bài 1: Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)

Số chục	Số đơn vị	Viết số	Đọc số (Số đó gồm)
5	2	52	Năm mươi hai
3	7		
		70	
			Hai mươi sáu
			Ba chục và 8 đơn vị
			9 chục và 1 đơn vị
6	9		

Bài 2: Nói (theo mẫu)

7 chục  99
4 chục và 5 đơn vị  70
84 Chín mươi chín
45 8 chục và 4 đơn vị

Bài 3: Viết số (Theo mẫu):

$$M: 35 = 30 + 5$$

57 = 35 = 79 =

40 + 6 = 99 = 87 =

Bài 4: Trả lời câu hỏi:

a) Các số lớn hơn 40 và nhỏ hơn 50 là:

b) Khoanh vào số nhỏ hơn 70 trong các số 45; 70; 82; 69

c) Viết các số tròn chục lớn hơn 30 và nhỏ hơn 80 là:

Bài 5: Tập ước lượng

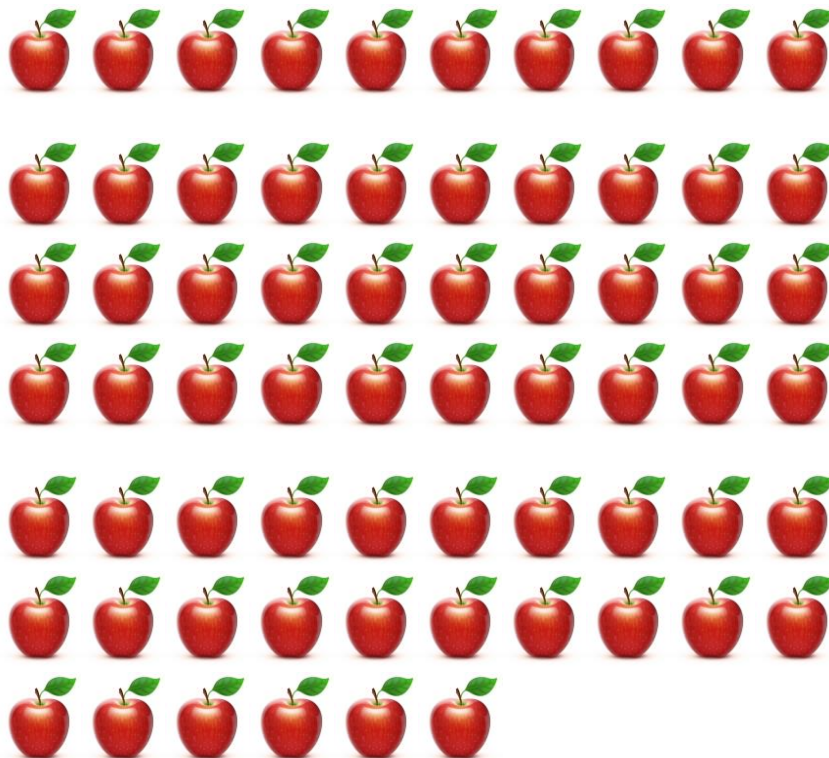
a) Đố em biết trong hình có bao nhiêu củ cà rốt?



- Em ước lượng
khoảng củ cà rốt.

- Em đếm được củ cà
rốt.

b) Đố em biết có bao nhiêu quả táo?



- Em ước lượng
khoảng quả
táo.

- Em đếm
được quả táo

Bài 6: Đặt tính rồi tính:

a) $35 + 40$

86 - 52

73 - 53

$$5+62$$

88 + 6

[illegible]

b) $79 - 27$

$45 + 4$

82 - 50

$$27 + 32$$

$$33 + 55$$

[illegible]

Bài 7:

a) Viết các số: 50 ; 48 ; 61 ; 58 ; 73 ; 84 theo thứ tự từ lớn đến bé:

[illegible]

b) Viết các số 71; 69; 50; 75; 67 theo thứ tự từ bé đến lớn:

[illegible]

Bài 8: Một băng giấy dài 96 cm, em cắt bỏ đi 26 cm. Hỏi băng giấy còn lại dài bao nhiêu xăng - ti - mét?

Bài giải:

[illegible]

Bài giải:

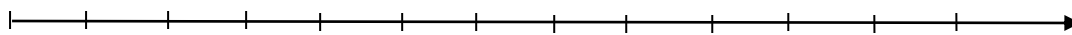
[illegible]
$$10 - 2 \dots\dots 10 - 1$$

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé :.....

c) 2; 4; 6 ; ; ; ; ; ; ; 22; 24

BÀI 2: TIA SỐ. SỐ LIỀN TRƯỚC. SỐ LIỀN SAU

Bài 1: a) Viết các số vào chỗ chấm trên tia số:



0 1 7

b) Trên tia số:

- Các số nhỏ hơn 10 là:

- Số tròn chục là:

- Các số có hai chữ số là :

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	54	
32		
		90
	78	

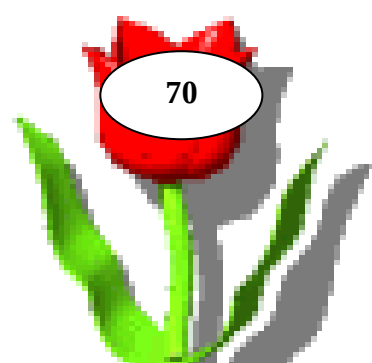
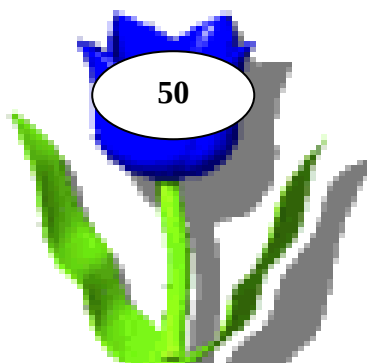
Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ chấm:

a) Số liền sau của 10 là 11 d) Số liền trước của 100 là 99

b) Số liền trước của 70 là 71 e) 87 là số liền sau của 78

c) Số liền sau của 99 là 98 g) 52 là số liền trước của 53

Bài 5*: Tìm bông hoa chỉ số tròn chục nhỏ nhất lớn hơn 41 và nhỏ hơn 71?



BÀI 3: CÁC THÀNH PHẦN CỦA PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

1. Số hạng – Tổng

$a + b = c$ Trong đó: a và b là số hạng

c là tổng ($a + b$ cũng gọi là tổng)

Ví dụ: 12 + 25 = 37

Số hạng Số hạng Tổng

Số hạng

Số hạng

Tổng

g)
$$\begin{array}{r} 14 \\ + 3 \\ \hline 17 \end{array}$$

Số hạng

Số hạng

Tổng

Số hạng

Số hạng

Tổng

2. Số bị trừ - số trừ = hiệu

$a - b = c$. Trong đó: a là số bị trừ

b là số trừ

c là hiệu ($a - b$ cũng gọi là hiệu)

Ví dụ: 99 - 25 = 74

Số bị trừ Số trừ Hiệu

Số bị trừ

Số trừ

Hiệu

u)
$$\begin{array}{r} 28 \\ - 5 \\ \hline 23 \end{array}$$

Số bị trừ

Số trừ

Hiệu

Số bị
trừ

Số trừ

Hiệu

Bài 1: Điền dấu + ; -

a) $15 \dots 5 \dots 2 = 12$

b) $17 \dots\dots 3 \dots\dots 11 = 3$

Bài 2: Tính nhẩm

a) $80 - 60 - 10 = \dots$

$$70 - 30 - 20 = \dots\dots$$

$$90 - 20 - 20 = \dots\dots\dots$$

b) $7 + 5 + 3 = \dots\dots\dots$

$$18 + 12 - 10 = \dots$$

$$15 + 6 + 5 = \dots\dots\dots$$

Bài 3: Đặt tính rồi tính

$$42 + 24$$

86 - 32

$32 + 57$

99 – 18

$41 + 27$

[illegible]

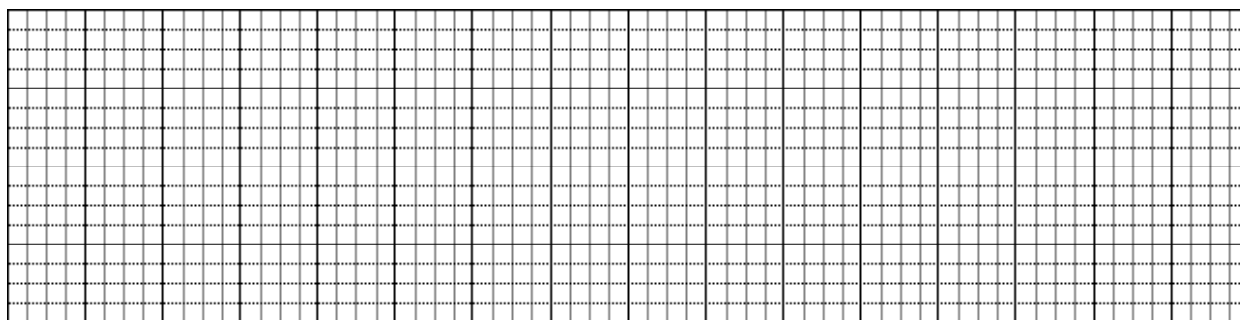
Bài 4: Giải bài toán theo tóm tắt sau.

Mảnh vải dài: 19 cm.

May túi : 7 cm.

Còn : ? cm.

Bài giải



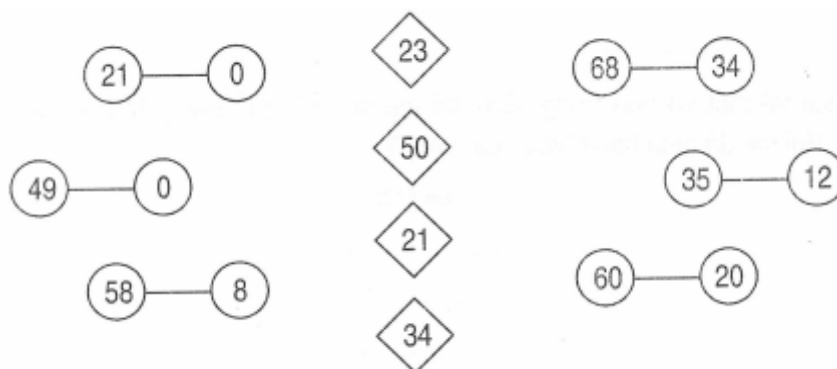
Bài 5: Tính tổng?

Số hạng	19	19	34	40	43
Số hạng	16	7	56	56	43
Tổng					

Bài 6:

>	$8 + 4$		$8 + 5$	$38 + 8$		$39 + 9$
< ?	$19 + 8$	...	$18 + 9$	$17 + 6$	...	$16 + 27$
=	$25 + 6$	...	$26 + 5$	$35 + 20$	...	$25 + 20$

Bài 7. Nối cặp hai số với hiệu của hai số đó:



Bài 8: Tìm hiệu:

Số bị trừ	54	75	90	89	68
Số trừ	23	15	80	73	12
Hiệu					

Bài 9: Đặt tính rồi tính tổng biết các số hạng là:

a) 24 và 42

75 và 14

b) 33 và 16

48 và 11

A large rectangular grid of graph paper. It features a solid black outer border and a dotted inner grid. The grid is composed of 20 columns and 10 rows of squares. The first four columns are on the left, followed by a gap, then the next four columns, followed by another gap, and finally the last eight columns on the right. The dotted lines form a consistent pattern within each of these sections.

Bài 10: Đặt tính rồi tính hiệu, biết:

a) Số bị trừ là 76, số trừ là 54

b) Số bị trừ là 98, số trừ là 88

[illegible]

c*) Số bị trừ là số lớn nhất có hai chữ số, số trừ là số bé nhất có một chữ số.

[illegible]

Bài 11*:

a) Cho các số 21; 78; 99 và các dấu cộng, trừ em hãy viết các phép tính đúng.

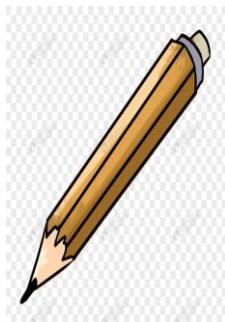
[illegible]

a) Cho các số 43; 66; 23 và các dấu cộng, trừ em hãy viết các phép tính đúng.

[illegible]

BÀI 4: HƠN KÉM NHAU BAO NHIÊU?

Bài 1: Bút chì nào dài nhất?



A



B



C



D

Bài 2: Trả lời câu hỏi:

a) Băng giấy thứ nhất hơn băng giấy thứ hai bao nhiêu xăng - ti - mét?

9 cm

Băng giấy thứ nhất

b) Băng giấy thứ ba kém băng giấy thứ hai bao nhiêu xăng - ti - mét?

7cm

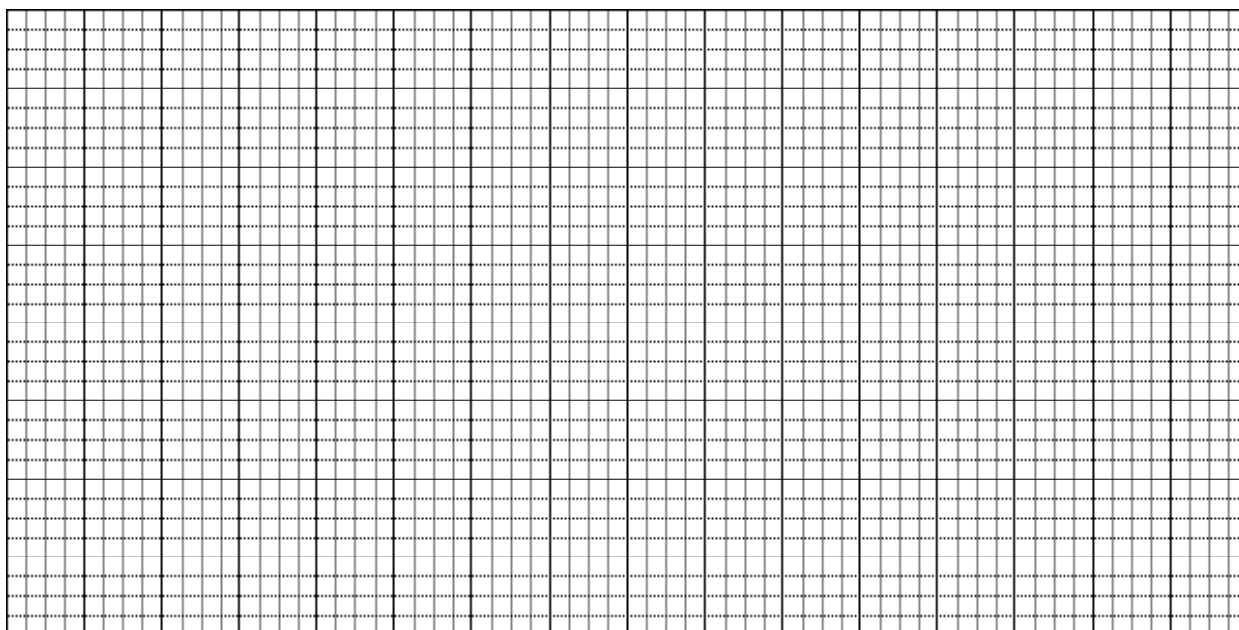
Băng giấy thứ hai

c) Băng giấy thứ hai kém băng giấy thứ nhất bao nhiêu xăng - ti - mét?

6 cm

Băng giấy thứ ba

Bài giải:



Bài 3: An có 12 viên bi, Bình có hơn An 7 viên bi. Hỏi Bình có bao nhiêu viên bi?

Bài giải:

[illegible]

Bài 4: Hùng có 28 viên phấn, Dũng kém Hùng 7 viên phấn. Hỏi Dũng có bao nhiêu viên phấn?

Bài giải:

[illegible]

Bài 5: Có hai đàn gà, đàn gà thứ nhất có 39 con, đàn gà thứ hai kém đàn gà thứ nhất 9 con. Hỏi đàn gà thứ hai có bao nhiêu con?

Bài giải:

[illegible]

Bài 6: Lan xếp được 21 phong bì, Hồng xếp hơn Lan 7 phong bì. Hỏi Hồng xếp được bao nhiêu phong bì?

Bài giải:

[illegible]

BÀI 5:

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (Không nhớ) TRONG PHẠM VI 100

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$64 + 25$$

78– 52

$$44 + 33$$

99 – 28

• • • • •

.....

.....

.....

.....

.....

• • • • •

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tính nhẩm:

a) $70 + 20 = \dots\dots$

$$60 + 40 = \dots\dots\dots$$

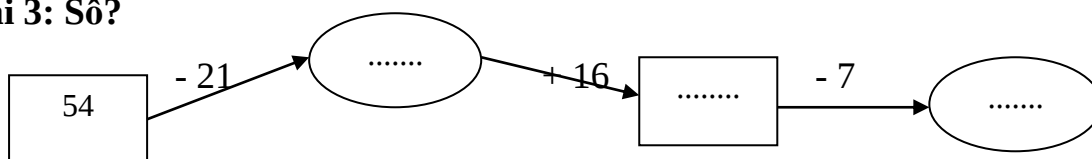
$$20 + 80 = \dots\dots\dots$$

b) $90 - 70 = \dots\dots$

$$100 - 60 = \dots\dots$$

$$100 - 20 = \dots\dots$$

Bài 3: Số?



Bài 4: Dũng có một số viên bi, Dũng cho Khánh 14 viên bi. Dũng còn lại 15 viên bi. Hỏi lúc đầu Dũng có bao nhiêu viên bi ?

Bài giải:

[illegible]

Bài 5*: Viết tắt cả các số có hai chữ số sao cho số chục cộng với số đơn vị bằng 5

[illegible]

Bài 6: Bình có 78 viên kẹo, Bình cho Đào một số viên kẹo, Bình còn lại 52 viên. Hỏi Bình đã cho Đào bao nhiêu viên kẹo?

Bài giải:

Bài 7: Khối lớp Hai có 97 học sinh. Khối lớp Ba kém khối lớp Hai 16 học sinh. Hỏi khối lớp Ba có bao nhiêu học sinh?

Bài giải:

The image shows a full page of graph paper. It features a central vertical line that divides the page into two equal halves. There are 10 columns on each side of this central line, for a total of 20 columns. Each column is 10 units wide. There are 20 horizontal lines across the page, creating 21 rows. Each row is 10 units high. The grid is composed of solid lines for the columns and horizontal lines, and dotted lines for the internal grid lines within each column and row. This layout is typical for graphing functions and data.

Bài 8: Điền số vào ô trống:

a) $30 + \square = 70$

$$100 - \boxed{} = 40$$

b) $12 + \square + 35 = 89$

$$\square - 24 - 12 = 32$$

Bài 9: Tính:

a) $34 + 25 - 12 = \dots\dots\dots$

78 - 53 + 34 =

b) $27 + 62 - 46 = \dots\dots\dots$

43 + 23 - 13 =

BÀI 6: LUYỆN TẬP CHUNG

Bài 1: Số 95 đọc là:

- A. Chín năm
- B. Chín lăm
- C. Chín mươi năm
- D. Chín mươi lăm

Bài 2 : Số liền trước của 89 là:

- A. 80 B. 90 C. 88 D. 87

Bài 3 : Số lớn nhất có hai chữ số là:

- A. 98 B. 99 C. 11 D. 10

Bài 4: $14 + 2 = \dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 16 B. 20 C. 26 D. 24

Bài 5: Trong phép trừ: $56 - 23 = 33$, số 56 gọi là:

- A. Số hạng B. Hiệu C. Số bị trừ D. Số trừ

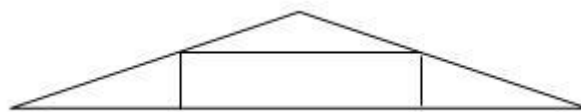
Bài 6: Số thích hợp để điền vào ô trống trong phép tính : $98 - \dots = 90$ là:

- A. 8 B. 9 C. 10 D. 7

Bài 7: Dãy tính $4 + 25 - 9$ có kết quả là:

- A. 22 B. 20 C. 12 D. 18

Bài 8: Hình bên có mấy hình tam giác?



- A. 2 hình B. 3 hình C. 4 hình

Bài 9*: Điền vào chỗ chấm

- a. Số liền trước của 356 là.....; của 900 là.....
b. Số liền sau của 279 là.....; của 999 là.....
c. Số liền trước của số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau là.....
d. Số liền sau của số bé nhất có ba chữ số khác nhau là.....
e. Số liền trước của số nhỏ nhất có ba chữ số giống nhau là.....

Bài 10: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :



- A. 2 hình tam giác và 2 hình tứ giác
B. 2 hình tam giác và 3 hình tứ giác
C. 2 hình tam giác và 4 hình tứ giác

Bài 16*: Cửa hàng buổi sáng bán 2 chục hộp kẹo, buổi chiều bán 3 chục hộp kẹo. Hỏi cả hai buổi cửa hàng bán bao nhiêu hộp kẹo?

Bài giải

[illegible]

Bài 17*: Mẹ mua về một xô quả trứng. Sau khi mẹ dùng 3 quả trứng thì còn lại 12 quả trứng. Hỏi mẹ đã mua bao nhiêu quả trứng?

Bài giải

[illegible]

Bài 18*: Trên mặt đồng hồ này có tất cả bao nhiêu chữ số?



- A. 12 chữ số B. 13 chữ số C. 14 chữ số D. 15 chữ số

CHỦ ĐỀ 2: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 20

BÀI 7: PHÉP CỘNG (QUA 10) TRONG PHẠM VI 20

Bài 1: Tính nhẩm:

a) $70 - 30 - 10 = \dots\dots\dots$

$$90 - 40 - 10 = \dots\dots\dots$$

b) $70 - 40 = \dots\dots\dots$

$$90 - 50 = \dots\dots\dots$$

Bài 2: Tính nhẩm:

a) $9 + 1 + 9 = \dots\dots\dots$

$$5 + 5 + 4 = \dots\dots\dots$$

b) $9 + 1 + 6 = \dots\dots\dots$

$$7 + 3 + 2 = \dots\dots\dots$$

c) $8 + 2 + 2 = \dots\dots\dots$

$$6 + 4 + 1 = \dots\dots\dots$$

Bài 3: Tính nhẩm:

$9 + 4 = \dots\dots$

$9 + 3 = \dots\dots$

$9 + 2 = \dots\dots$

$9 + 6 = \dots$

$9 + 9 = \dots\dots$

$9 + 1 = \dots\dots$

$9 + 8 = \dots$

$9 + 5 = \dots\dots$

$9 + 7 = \dots\dots$

Bài 4: Tính nhẩm:

a) $9 + 4 = \dots\dots\dots$

$9 + \dots\dots = 13$

b) $9 + 3 = \dots\dots\dots$

$\dots\dots + 9 = 10$

c) $9 + 7 = \dots\dots\dots$

$9 + \dots\dots = 15$

d) $9 + 9 = \dots\dots\dots$

$5 + \dots\dots = 14$

Bài 5: Tính nhẩm:

$8 + 4 = \dots\dots$

$8 + 3 = \dots\dots$

$8 + 2 = \dots\dots$

$8 + 6 = \dots$

$8 + 9 = \dots\dots$

$8 + 1 = \dots\dots$

$8 + 8 = \dots$

$8 + 5 = \dots\dots$

$8 + 7 = \dots\dots$

Bài 6: Tính nhẩm:

$6 + 6 = \dots\dots$

$6 + 7 = \dots\dots$

$6 + 8 = \dots\dots$

$6 + 0 = \dots\dots$

$7 + 6 = \dots\dots$

$8 + 6 = \dots\dots$

Bài 7: Tính nhẩm:

$9 + 3 = \dots\dots$

$9 + 4 = \dots\dots$

$7 + 4 = \dots\dots$

$7 + 6 = \dots\dots$

$6 + 6 = \dots\dots$

$7 + 5 = \dots\dots$

$9 + 7 = \dots\dots$

$8 + 5 = \dots\dots$

$8 + 6 = \dots\dots$

Bài 8: Tính nhẩm:

$9 + 2 = \dots\dots$

$9 + 3 = \dots\dots$

$9 + 4 = \dots\dots$

$9 + 5 = \dots\dots$

$2 + 9 = \dots\dots$

$3 + 9 = \dots\dots$

$4 + 9 = \dots\dots$

$5 + 9 = \dots\dots$

$8 + 7 = \dots\dots$

$8 + 4 = \dots\dots$

$8 + 5 = \dots\dots$

$8 + 6 = \dots\dots$

$7 + 8 = \dots\dots$

$4 + 8 = \dots\dots$

$5 + 8 = \dots\dots$

$8 + 8 = \dots\dots$

Bài 9: Số?

Số hạng	9	7	8	5	4
Số hạng	5	6	3	7	9
Tổng					

Bài 10: Nối phép tính với kết quả đúng:

$$5 + 7$$

$$6 + 9$$

$$8 + 8$$

15	12	16	13	18	14
----	----	----	----	----	----

$$7 + 6$$

$$6 + 8$$

$$9 + 9$$

Bài 11: Tính:

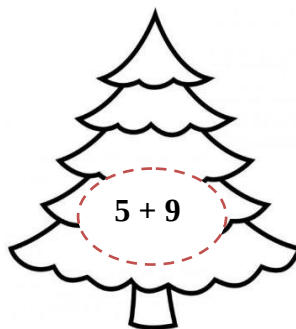
a) $8 + 3 + 2 = \dots\dots\dots$

$10 - 4 + 5 = \dots\dots\dots$

b) $9 + 1 + 4 = \dots\dots\dots$

$10 - 2 + 5 = \dots\dots\dots$

Bài 12: Tô màu vào cây thông có kết quả là 15?



Bài 13: An có 8 cái kẹo, mẹ cho An 5 cái kẹo. Hỏi lúc này An có tất cả bao nhiêu cái kẹo?

A. 12 cái kẹo

B. 13 cái kẹo

C. 14 cái kẹo

D. 15 cái kẹo

Bài 8*: Nga nghĩ ra một số biết rằng số đó lớn hơn số liền sau của số lớn nhất có một chữ số 8 đơn vị. Vậy số đó là:

- A. 17 B. 18 C. 19 D. 20

BÀI 9: BÀI TOÁN VỀ THÊM, BỚT MỘT SỐ ĐƠN VỊ

Bài 1: Trên sân có 7 bạn nam và thêm 3 bạn nữ chạy đến. Hỏi trên sân có tất cả bao nhiêu bạn?

Tóm tắt

Bài giải:

Có.....

Thêm

Có tất cả.....

Bài 2: An có 19 cái kẹo, An ăn đi 7 cái kẹo. Hỏi An còn bao nhiêu cái kẹo?

Tóm tắt

Bài giải:

Có.....

Ăn

Còn.....

Bài 3: Chị Nga có 5 cái nhãn vở. Mẹ cho thêm 7 cái nữa. Hỏi chị Nga có tất cả bao nhiêu cái nhãn vở?

Tóm tắt

Bài giải:

.....

.....

.....

Bài 4: Nêu miệng bài toán và giải bài toán sau:

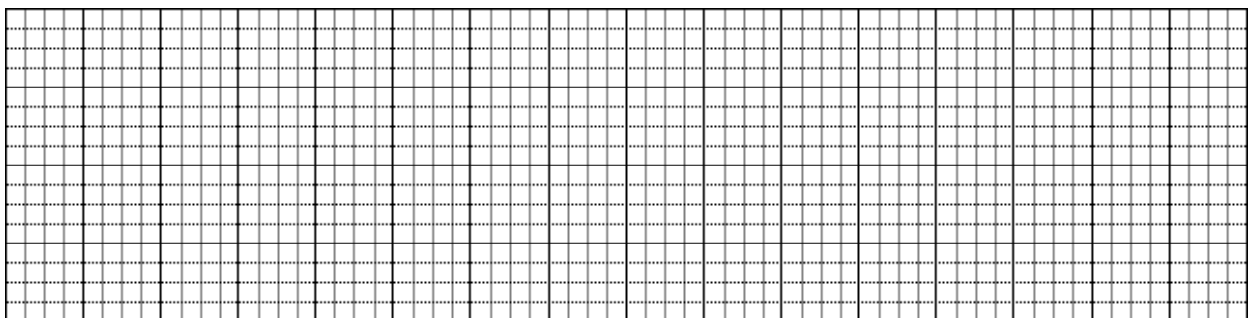
Tóm tắt:

Có: 8 nhãn vở

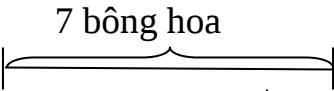
Thêm: 6 nhãn vở

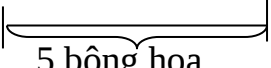
Có tất cả? nhãn vở

Bài giải:



Bài 5: Nêu bài toán. Giải bài toán sau:

Lan: 

 Mai: 

} ? bông hoa

Bài 9*: Mẹ năm nay 40 tuổi thì Hoa 10 tuổi. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tuổi Hoa bằng tuổi mẹ hiện nay?

Bài giải:

[illegible]

Bài 10*: Tìm hiệu, biết số bị trừ là số bé nhất có hai chữ số và số trừ là 2.

Bài giải:

[illegible]

Bài 11*: Một người mua hai chục cái bút xanh và mua số bút đỏ bằng số bút xanh. Hỏi người đó mua tất cả bao nhiêu cái bút?

Bài giải:

[illegible]

BÀI 10: LUYỆN TẬP CHUNG

Bài 1: Số?

Số hạng	5	6	9	7	5
Số hạng	7	8	4	8	9
Tổng	12				

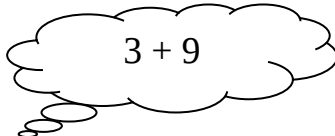
Bài 2: Nối phép tính với kết quả đúng:

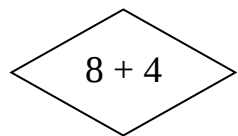
$4 + 6$	$9 + 8$	$5 + 7$	$8 + 5$
---------	---------	---------	---------

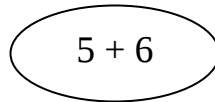
12	10	13	12	17
----	----	----	----	----

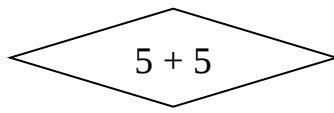
$8 + 2$	$6 + 6$	$7 + 6$
---------	---------	---------

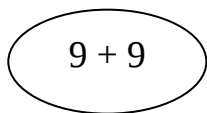
Bài 3: Khoanh vào kết quả lớn nhất?

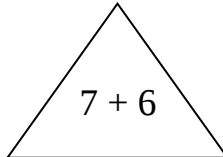

 $3 + 9$


 $8 + 4$

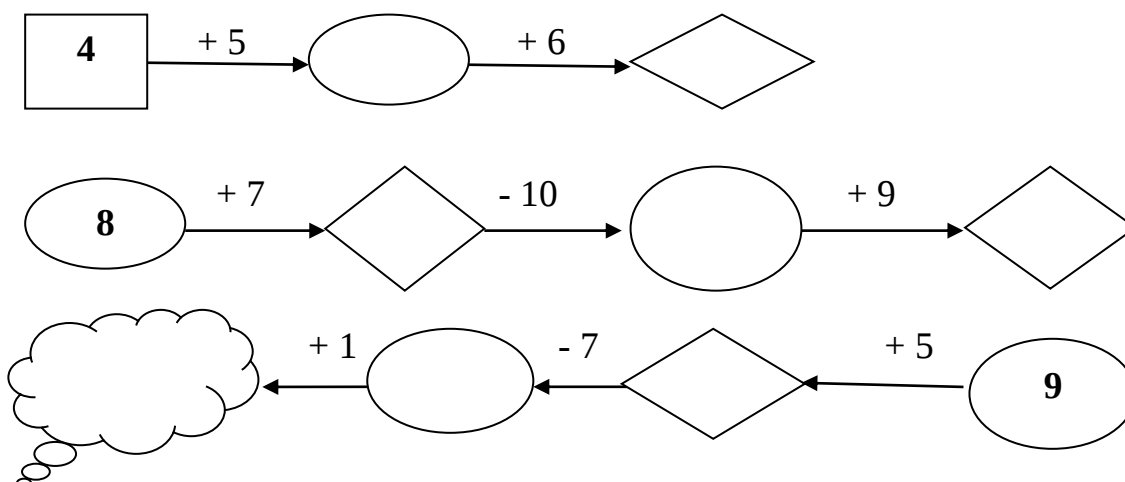

 $5 + 6$


 $5 + 5$


 $9 + 9$


 $7 + 6$

Bài 4: Số?



Bài 5: Điền dấu (<, >, =)

$7 + 8$		$8 + 7$
$7 + 2$		$1 + 9$
$5 + 6$		$8 + 3$

$3 + 8$		$8 + 7$
$7 + 9$		$3 + 9$
$6 + 8$		$9 + 7$

Bài 7: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $4 + 5 + 6 < 4 + 6 + 5$

b) $4 + 5 + 6 = 4 + 6 + 5$

c) $4 + 5 + 6 > 4 + 6 + 5$

Bài 8: Chọn số thích hợp:

0	10	20		40		60	70	80	90
---	----	----	--	----	--	----	----	----	----

Bài 9: Lan có 8 nhãn vở, mẹ cho thêm 6 nhãn vở. Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu nhãn vở?

Bài giải:

A large grid of graph paper with a central vertical line and horizontal lines, used for drawing a graph.

Bài 10*: Nhà Mai có số gà và vịt đều bằng nhau và bằng 15 con. Có 3 con vịt lên bờ. Hỏi:

a) Dưới ao còn bao nhiêu con vịt?

b) Trên bờ có bao nhiêu con vịt?

Bài giải:

[illegible]

BÀI 11, 12: PHÉP TRỪ (QUA 10) TRONG PHẠM VI 20. BẢNG TRỪ

Bài 1: Tính nhẩm:

11 - 4 =

11 - 6 =

$$11 - 9 = \dots\dots$$

12 - 3 =

12 - 8 =

$$12 - 5 = \dots\dots\dots$$

13 - 5 =

13 - 7 =

$13 - 8 = \dots\dots\dots$

Bài 2: Nói phép tính với kết quả đúng:

11 - 5

12 - 4

13 - 6

12 - 9

6

7

8

4

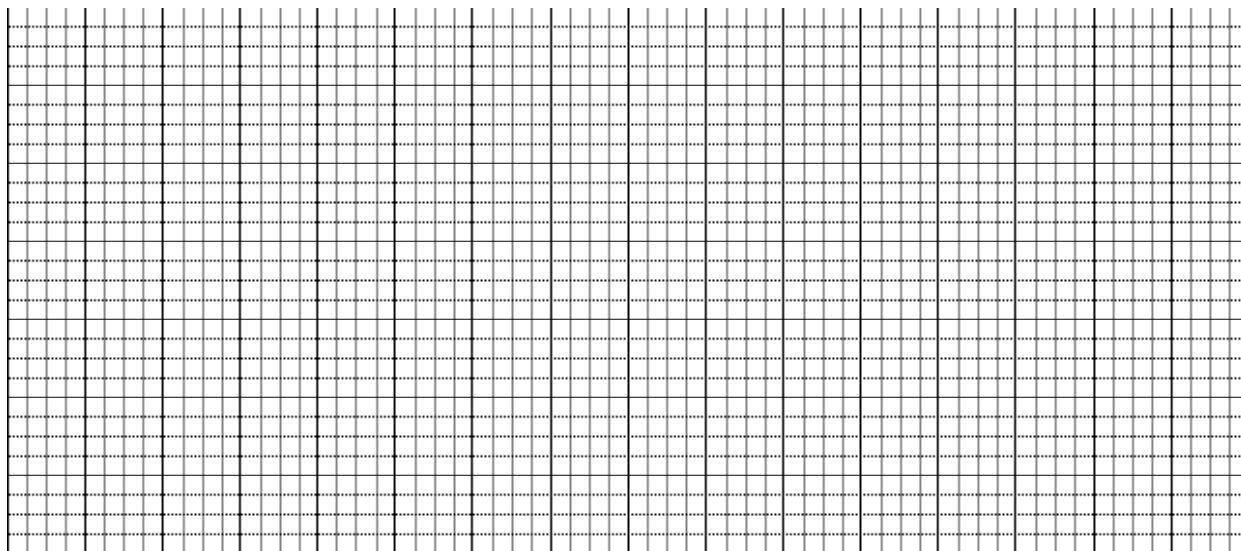
3

5

13 - 9

12 - 6

11 - 8



Bài 8: Tính nhẩm:

$14 - 7 = \dots\dots\dots$

$14 - 5 = \dots\dots\dots$

$14 - 9 = \dots\dots\dots$

$15 - 6 = \dots\dots\dots$

$15 - 8 = \dots\dots\dots$

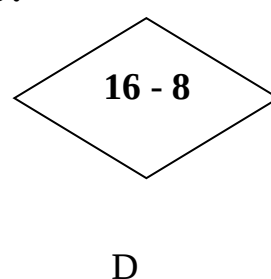
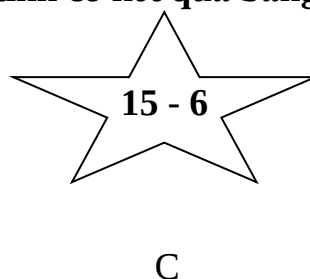
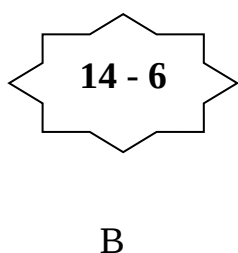
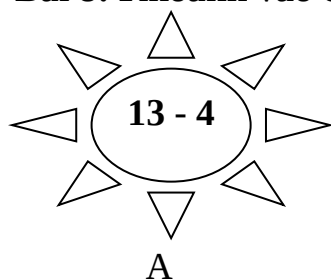
$15 - 9 = \dots\dots\dots$

$16 - 7 = \dots\dots\dots$

$16 - 9 = \dots\dots\dots$

$16 - 8 = \dots\dots\dots$

Bài 8: Khoanh vào chữ dưới các phép tính có kết quả bằng 9?



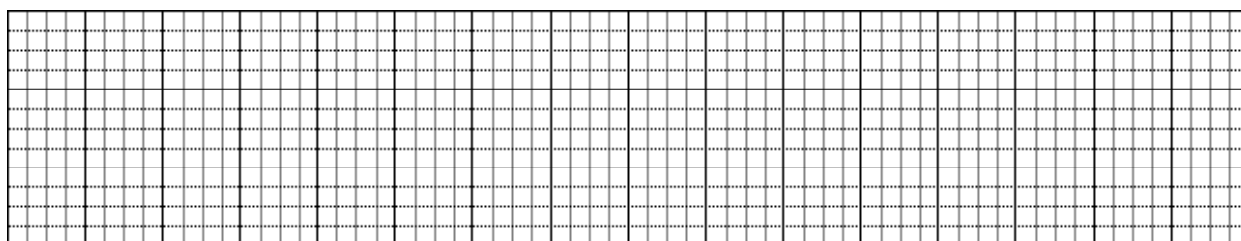
Bài 9: Tìm phép trừ có hiệu lớn nhất? Phép trừ có hiệu bé nhất?

$14 - 5$

$14 - 9$

$15 - 7$

$16 - 8$



Bài 10: Số?

Số bị trừ	15	14	16	17	18	10
Số trừ	8	6	9	9	9	3
Hiệu						

Bài 11: Nga có 18 quyển vở. Hoa có 9 quyển vở. Hỏi bạn nào nhiều vở hơn và nhiều hơn mấy quyển?

Bài giải:

A large grid of graph paper. It consists of a central vertical line that divides the grid into two equal halves. There are 20 horizontal dashed lines running across the entire width of the grid. The grid is composed of small squares, with the central vertical line and horizontal dashed lines creating a pattern of larger and smaller squares. The grid is intended for drawing a graph.

Bài 12: > < =

13 - 7 5

14 - 7 7

15 - 6 8

9 18 - 9

14 - 5 8

15 - 8 10 - 3

$$16 - 9 \dots\dots 4 + 3$$

$$16 - 7 \dots 10 - 2$$

Bài 13: Tính nhẩm:

$$14 - 4 - 5 = \dots\dots$$

$$15 - 6 - 2 = \dots\dots\dots$$

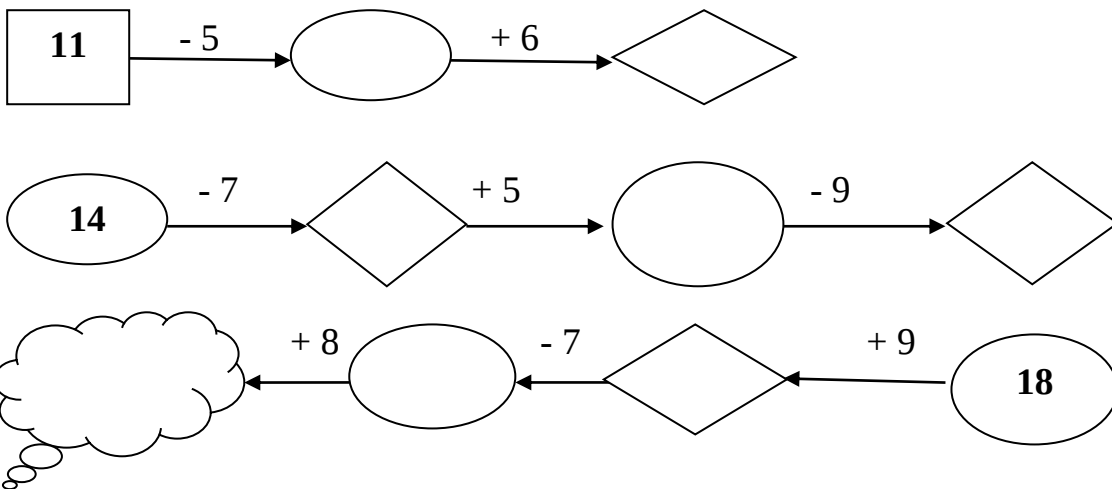
$$12 - 4 - 3 = \dots\dots$$

$$14 - 9 = \dots\dots\dots$$

$$15 - 8 = \dots\dots\dots$$

$$12 - 7 = \dots\dots$$

Bài 14: Số?



HOÀN THÀNH VÀ HỌC THUỘC BẢNG TRỪ EM NHÉ!

BẢNG TRỪ LỚP 2

$11 - 2 = \dots$	$12 - 3 = \dots$	$13 - 4 = \dots\dots$	$14 - 5 = \dots$
$11 - 3 = \dots\dots$	$12 - 4 = \dots$	$13 - 5 = \dots\dots$	$14 - 6 = \dots$
$11 - 4 = \dots$	$12 - 5 = \dots\dots$	$13 - 6 = \dots\dots$	$14 - 7 = \dots\dots$
$11 - 5 = \dots$	$12 - 6 = \dots$	$13 - 7 = \dots\dots$	$14 - 8 = \dots\dots$
$11 - 6 = \dots\dots$	$12 - 7 = \dots\dots$	$13 - 8 = \dots\dots$	$14 - 9 = \dots$

Bài 2. Có hai đàn gà, đàn gà thứ nhất có 16 con, đàn gà thứ hai ít hơn đàn gà thứ nhất 9 con. Hỏi đàn gà thứ hai có bao nhiêu con?

Bài giải:

[illegible]

Bài 3. Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Hùng có : 6 que tính

Nam nhiều hơn Hùng : 7 que tính

Nam có que tính.

Bài giải:

[illegible]

Bài 4. Tổ một có 6 công nhân, tổ hai có nhiều hơn tổ một 8 công nhân. Hỏi tổ hai có bao nhiêu công nhân?

Bài giải:

[illegible]

Bài 5. Lan xếp được 18 phong bì, Lan xếp ít hơn Hồng 7 phong bì. Hỏi Hồng xếp được bao nhiêu phong bì?

Bài giải:

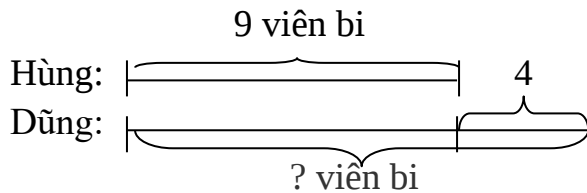
[illegible]

Bài 6. Vườn nhà Mai có 17 cây cam và bưởi, trong đó có 8 cây cam. Hỏi vườn nhà Mai có mấy cây bưởi? Bài giải:

Bài giải:

[illegible]

Bài 7: Giải bài toán theo tóm tắt sau:



Bài giải:

[illegible]

Bài 8*. Số gà trong chuồng là 9 con, số gà ở ngoài chuồng là 7 con.

- a) Số gà ngoài chuồng nhiều hơn số gà trong chuồng bao nhiêu con?
b) Bây giờ có 5 con gà từ ngoài vào trong chuồng thì lúc này số gà ở ngoài chuồng ít hơn hay số gà ở trong chuồng mấy con?

Bài giải:

[illegible]

Bài 9*. Mai cao hơn Hoa 2cm. Bình thấp hơn Mai 3cm. Hỏi ai cao nhất ; ai thấp nhất ? Hoa cao hơn Bình mấy xăng – ti – mét ?

Bài giải:

A large grid of graph paper, consisting of 20 columns and 20 rows of squares. A single vertical line runs down the center, separating the first 10 columns from the last 10 columns. A single horizontal line runs across the center, separating the first 10 rows from the last 10 rows. The intersection of these two lines is at the center of the grid.

Bài 10*. Con ngỗng cân nặng 10 ki lô gam. Con ngỗng cân nặng hơn con vịt 6 ki lô gam. Con gà cân nặng ít hơn con vịt 2 ki lô gam. Hỏi con ngỗng cân nặng hơn con gà mấy ki-lô-gam?

A large grid of graph paper. It features a central vertical line and horizontal lines, creating a grid of squares. The grid is divided into four quadrants by the central vertical line. The top-left and bottom-right quadrants are shaded light gray, while the top-right and bottom-left quadrants are white. The grid is composed of 20 columns and 20 rows of squares.

BÀI 14: LUYỆN TẬP CHUNG

Bài 1: Tính nhẩm:

13 - 9 =

Bài 2: Nối phép tính với kết quả đúng:

16

Bài 3: Số?

+ 3

Bài 4: Hà có 8 quả bóng. Lan có 4 quả bóng. Hỏi cả hai bạn có tất cả bao nhiêu quả bóng?

Bài 5: Tính nhẩm:

$$15 - 7 - 3 = \dots\dots$$

$$8 + 5 - 6 = \dots\dots\dots$$

$$6 + 7 - 4 = \dots\dots\dots$$

$$9 + 2 - 5 = \dots\dots\dots$$

$$14 - 7 + 5 = \dots$$

$$16 - 8 + 2 = \dots\dots\dots$$

$$7 + 9 - 8 = \dots\dots\dots$$

$$3 + 8 + 3 = \dots\dots\dots$$

$$7 + 5 - 4 = \dots\dots\dots$$

Bài 6: Trong đợt thi gấp sao, Mai gấp được 14 ngôi sao, Lan gấp được ít hơn Mai 5 ngôi sao. Hỏi Mai gấp được bao nhiêu ngôi sao?

Bài giải:

[illegible]

Bài 7: Đúng ghi Đ, sai ghi S?

$$6 + 7 = 13$$

$$15 - 8 = 6$$

$$5 + 9 - 8 = 7$$

$$14 - 7 > 7$$

$$8 + 8 = 16$$

$$12 - 3 = 10 - 1$$

$$2 + 9 = 9 + 2$$

$$3 + 9 - 4 = 8$$

$$3 + 6 + 7 = 15$$

Bài 8: Khoanh vào chữ đặt trước phép tính có kết quả bằng 7

A. 15 - 7

B. 14 - 9

C. 16 - 9

D. 3 + 6 - 3

Bài 9: Khoanh vào chữ đặt trước phép tính có kết quả lớn nhất?

A. $6 + 7$

B. 18 - 9

C. $7 + 5$

D. 4 + 9 - 5

Bài 10: Khoanh vào chữ đặt trước phép tính có kết quả bé nhất?

A. 14 - 6

B. 15 - 9

C. 18 - 9

D. 17 - 8

Bài 11. Điền mỗi số 4, 5, 9 vào một ô trống sao cho tổng của ba số liền nhau nào cũng bằng 18:

4			
9		5	

Bài 12. Số?

$$\begin{array}{r}
 \underline{5 \dots} \\
 24 \\
 35
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 \underline{\dots 4} \\
 1 \dots \\
 46
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 \underline{6 \dots} \\
 \dots 7 \\
 27
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 \underline{34} \\
 \dots \\
 18
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 + 42 \\
 \dots 7 \\
 7 \dots
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 + 5 \dots \\
 \dots 6 \\
 93
 \end{array}$$

CHỦ ĐỀ 3: LÀM QUEN VỚI KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH**BÀI 15: KI - LÔ - GAM (kg)****Bài 1: Số đo “mười bốn ki-lô-gam” được viết là:**

- A. 14 B. 15 kg C. 14 kg D. 15

Bài 2: Cách viết “6 kg” được đọc là:

- A. Sáu ki-lô-gam B. Bảy ki-lô-gam C. Tám ki-lô-gam D. Chín ki-lô-gam

Bài 3: Giá trị của biểu thức $23\text{kg} + 4\text{kg}$ là:

- A. 25 kg B. 26 kg C. 28 kg D. 27 kg

Bài 4: Dấu $<$, $>$, $=$ thích hợp để điền vào chỗ chấm $16\text{kg} \dots 17\text{kg}$ là:

- A. = B. > C. <

Bài 5: Giá trị của biểu thức $7\text{kg} + 4\text{kg} - 8\text{kg}$ là:

- A. 19 kg B. 5 kg C. 3 kg D. 4 kg

Bài 8: Tính:

$$4\text{kg} + 8\text{kg} = \dots \quad 23\text{kg} + 16\text{kg} = \dots \quad 15\text{kg} - 6\text{kg} = \dots$$

$$34\text{kg} + 25\text{kg} \dots \quad 17\text{kg} - 8\text{kg} = \dots \quad 14\text{kg} - 7\text{kg} \dots$$

$$5\text{kg} + 9\text{kg} - 8\text{kg} \dots \quad 10\text{kg} - 5\text{kg} + 7\text{kg}$$

Bài 9: Đọc, viết (theo mẫu)

Đọc	Viết
Mười sáu ki-lô-gam	16 kg
Hai mươi ki-lô-gam	
	24 kg
Ba mươi sáu ki-lô-gam	
	35 kg
	41 kg
	98 kg
	75 kg

Bài 10: Rổ cam thứ nhất cân nặng 5kg. Rổ cam thứ hai cân nặng 7kg. Hỏi cả hai rổ cam cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?*Bài giải:*

BÀI 16: LÍT (L)

Bài 1: Hai mươi hai lít được viết là:

- A. 25 l B. 23 l C. 22 l D. 32 l

Bài 2: 43 l được đọc là:

- A. Hai mươi ba lít B. Bốn mươi ba lít C. Năm mươi ba lít D. Bốn mươi hai lít

Bài 3: Kết quả của phép tính $32l + 17l = \dots$?

- A. 60 l B. 59 l C. 48 l D. 49 l

Bài 4: Kết quả của phép tính $79l - 38l = \dots$?

- A. 43 l B. 38 l C. 35 l D. 41 l

Bài 5: Thùng thứ nhất chứa được 5 lít nước, thùng thứ hai chứa nhiều hơn thùng thứ nhất 7 lít nước. Số lít nước thùng thứ hai chứa là:

- A. 22 l B. 11 l C. 12 l D. 13 l

Bài 6: Tính:

$$21l + 18l \qquad 33l + 14l \qquad 50l + 17l \qquad 43l + 15l$$

$$87l - 16l \qquad 12l - 7l \qquad 56l - 34l \qquad 48l - 11l$$

Bài 7: Đọc, viết (theo mẫu)

Đọc	Viết
Ba mươi bảy lít	37 l
Bốn mươi sáu lít	
	35 l
Năm mươi tư lít	
	13 l
	94 l
	41 l

Bài 8: Điền dấu $<$, $>$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

$$63l \dots 15l + 44l \quad 24l + 11l \dots 35l \quad 34l \dots 18l + 11l \quad 25l \dots 49l - 24l$$

Bài 9: Thùng thứ nhất chứa 23 lít dầu. Thùng thứ hai chứa được ít hơn thùng thứ nhất 5 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai chứa được bao nhiêu lít dầu?

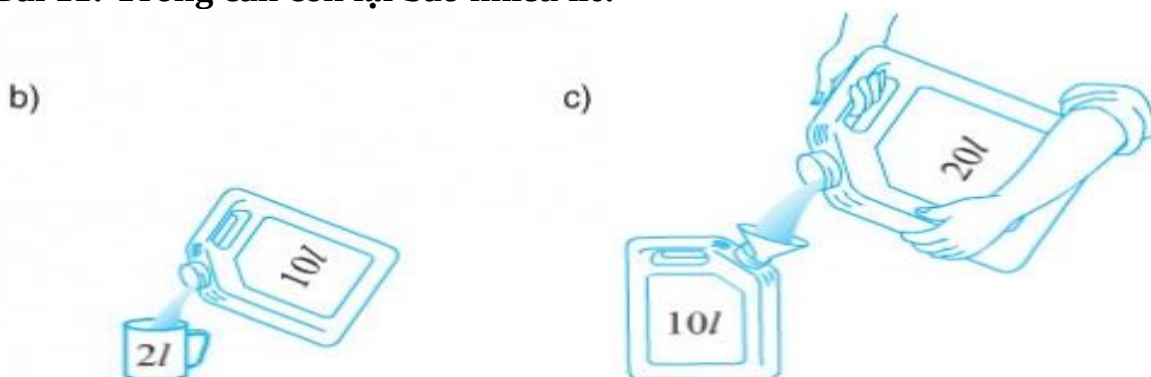
Bài giải:

[illegible]

Bài 10: Viết và đọc các số đo sau khi em viết được:

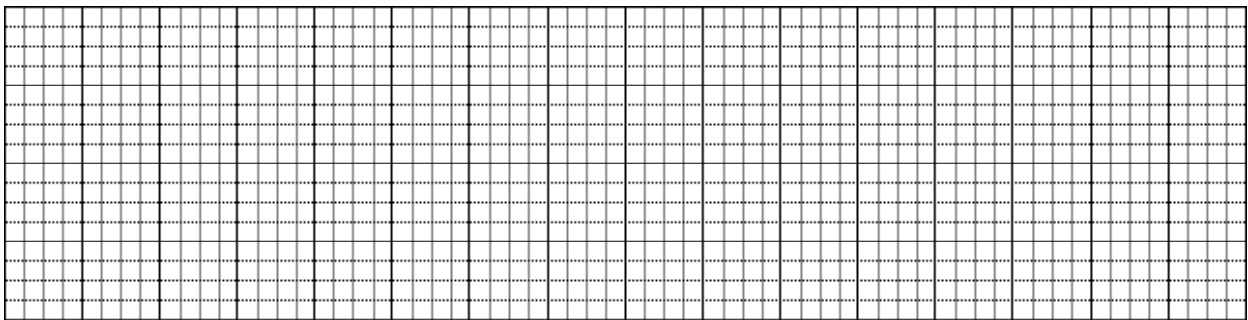
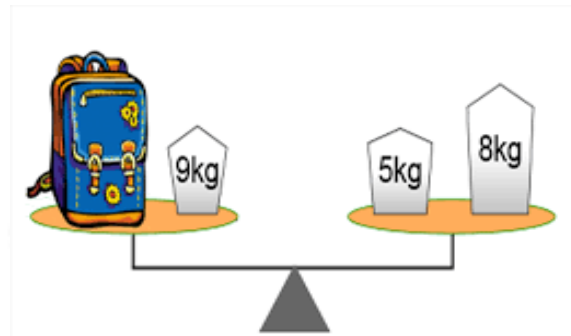
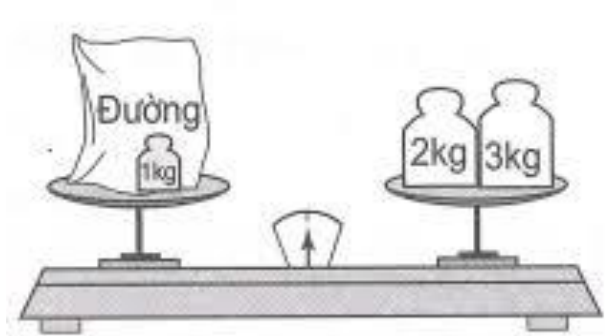
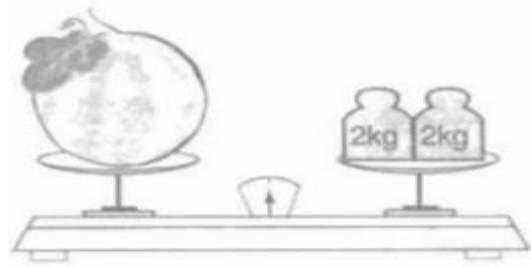
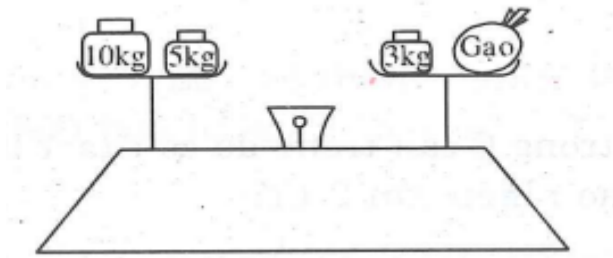
[illegible]

Bài 11: Trong can còn lại bao nhiêu lít?

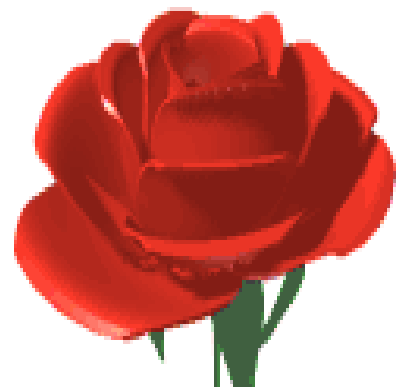
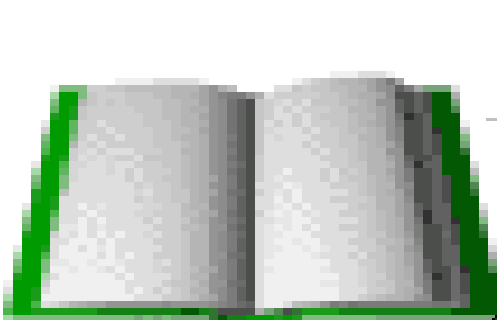
[illegible]

BÀI 17, 18: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI CÁC ĐƠN VỊ KI - LÔ - GAM, LÍT. LUYỆN TẬP CHUNG

Bài 1: Quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi?

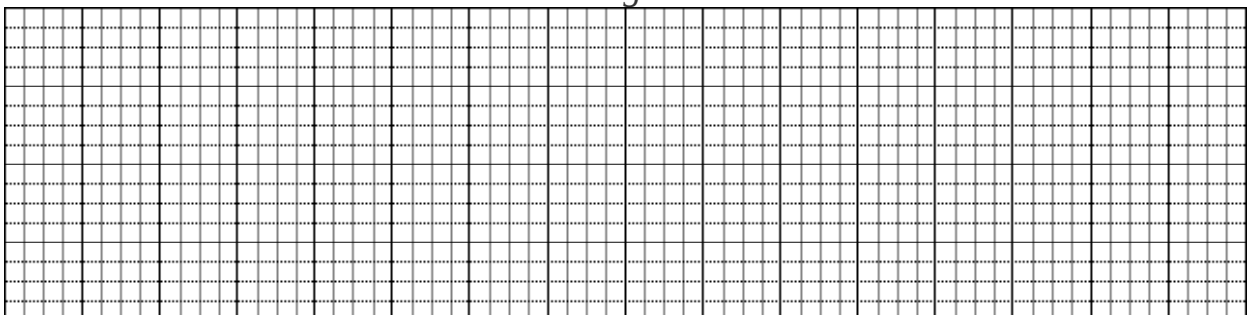


Bài 2: Trong các đồ vật sau, đồ vật nào nặng nhất?



Bài 3: Can bé đựng 10l dầu, can to đựng nhiều hơn can bé 2l dầu. Hỏi can to đựng bao nhiêu lít dầu ?

Bài giải:



**Tóm tắt*

A diagram showing a horizontal line segment of length $15l$. Above this segment is a dashed semi-circular arc. The label $15l$ is placed above the horizontal segment, centered under the arc.

A diagram of a parabolic arch. The horizontal span is labeled $3l$ and the height is labeled $?l$.

[illegible]

A large grid of graph paper. The grid consists of 20 columns and 15 rows. The top border is a solid line, and the bottom border is a dotted line. The interior of the grid is composed of solid lines forming a uniform grid of squares.

Bài giải:

[illegible]

Bài giải:

[illegible]

Bài 7: Có một bao đường và một bao gạo nặng tổng cộng 36kg. Bao đường nặng 14kg. Hỏi bao gạo nặng bao nhiêu kilôgam?

Bài giải:

[illegible]

Bài 8*: Muốn cân 3kg đường mà chỉ có một cân đĩa với 2 quả cân loại 1kg và 5kg. Làm thế nào để cân? Biết số đường có nhiều hơn 4 kg.

A large grid of graph paper. It consists of a central vertical line that divides the grid into two equal halves. There are 20 horizontal lines in total, creating 19 rows. The grid is composed of small squares, with the central vertical line acting as a primary axis of symmetry.

Bài 9*: Có 3 cốc 8 lít, 5 lít , 3 lít . Cốc 8 lít đựng đầy nước. Làm sao để lấy được 4 lít nước ??

[illegible]

CHỦ ĐỀ 4:

PHÉP CỘNG (PHÉP TRỪ CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 100

BÀI 19: PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$17 + 5$

$44 + 9$

$76 + 4$

$28 + 8$

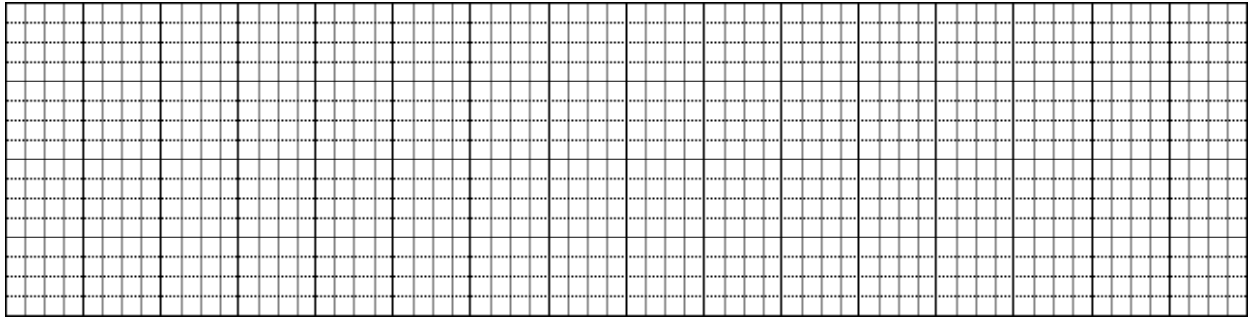
[illegible]

$28 + 4$

$7 + 69$

$6 + 54$

$46 + 6$



Bài 2: Kết quả của phép tính nào bé nhất?

$44 + 8$

$35 + 9$

$50 + 3$

$47 + 8$

Bài 3: Nối phép tính với kết quả đúng:

$28 + 6$

$15 + 6$

$49 + 7$

$33 + 5$

38

76

53

38

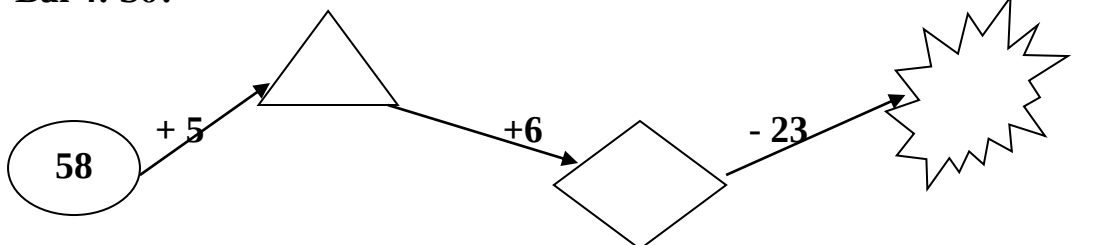
97

Bài 4: Số?

$6 + 68$

$88 + 9$

$45 + 8$



Bài 5: Tính:

a) $32 + 9 = \dots\dots\dots$

$45 + 5 = \dots\dots\dots$

$62 + 8 = \dots\dots\dots$

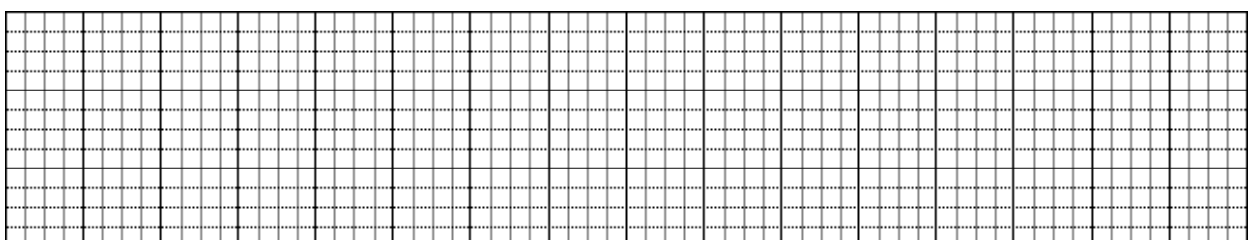
b) $7 + 54 \dots\dots\dots$

$18 + 9 - 5 \dots\dots\dots$

$28 - 4 + 7 \dots\dots\dots$

Bài 6: Một người mua hai loại bút, trong đó có 26 bút xanh và số bút đỏ nhiều hơn số bút xanh là 8 cái. Hỏi người đó mua bao nhiêu bút đỏ?

Bài giải:



Bài 2: Kết quả của phép tính nào bé nhất?

$44 + 28$

$35 + 19$

$50 + 3$

$7 + 48$

Bài 3: Nối phép tính với kết quả đúng:

$48 + 6$

$35 + 13$

$9 + 47$

$23 + 35$

94

56

48

54

73

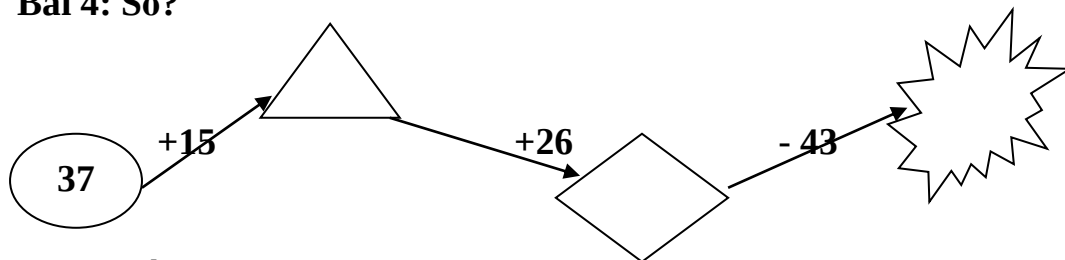
97

$26 + 68$

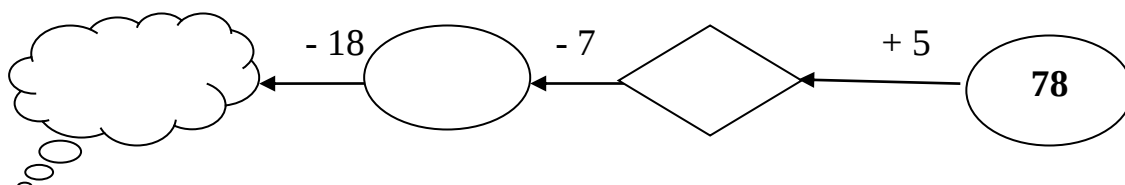
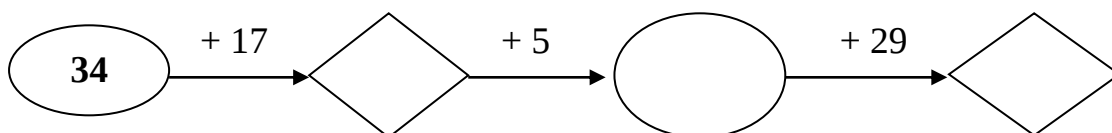
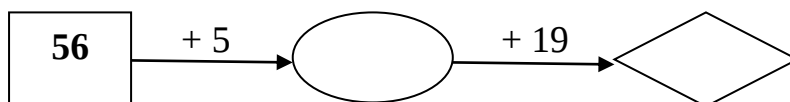
$78 + 19$

$45 + 28$

Bài 4: Số?



Bài 5: Số?



Bài 6: Tính:

a) $23 + 19 = \dots\dots\dots$

$45 + 25 = \dots\dots\dots$

$62 + 18 = \dots\dots\dots$

b) $7 + 74 \dots\dots\dots$

$48 + 19 - 5 \dots\dots\dots$

$58 - 14 + 7 \dots\dots\dots$

Bài 7: Na gấp sao trang trí lớp trong hai ngày. Ngày thứ nhất gấp được 34 ngôi sao. Ngày thứ hai gấp được nhiều hơn ngày thứ nhất 19 ngôi sao. Hỏi ngày thứ hai Na gấp được bao nhiêu ngôi sao?

Bài giải:

[illegible]

Bài 8: Can thứ nhất chứa 27 lít xăng. Can thứ hai chứa 37 lít xăng. Hỏi cả hai can chứa được bao nhiêu lít xăng?

Bài giải:

[illegible]

Bài 9: Đúng ghi Đ, sai ghi S?

$$36 + 7 = 44$$

$$16 - 8 = 6$$

$14 - 8 > 7$

$$8 + 48 = 56$$

$$25 + 19 = 34$$

$$43 + 9 = 25 + 25$$

$$35 + 19 = 56$$

$$64 + 6 = 80 - 10$$

$$15 + 23 + 48 = 99$$

BÀI 21: LUYỆN TẬP CHUNG

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$43 + 27$$

9 + 79

$24 + 8$

$7 + 34$

16 + 58

[illegible]

15 + 29

$24 + 69$

$32 + 18$

$26 + 47$

43 + 26

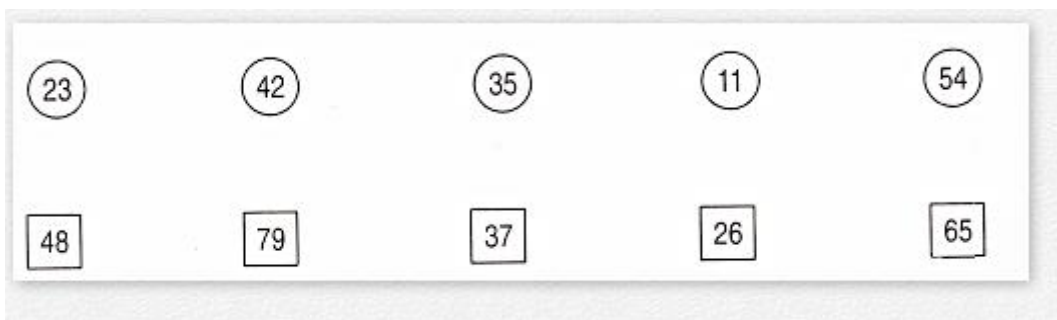
[illegible]

Bài 2: Tính

$$46 + 18 - 35 = \dots\dots\dots$$

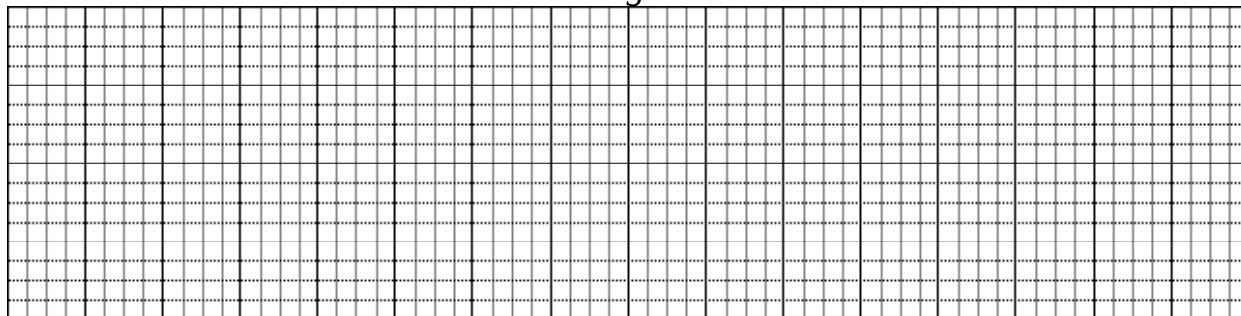
$$56 + 29 - 5 = \dots\dots\dots$$

Bài 3. Nối số ở hình tròn với số ở hình vuông để tổng hai số đó là số tròn chục:



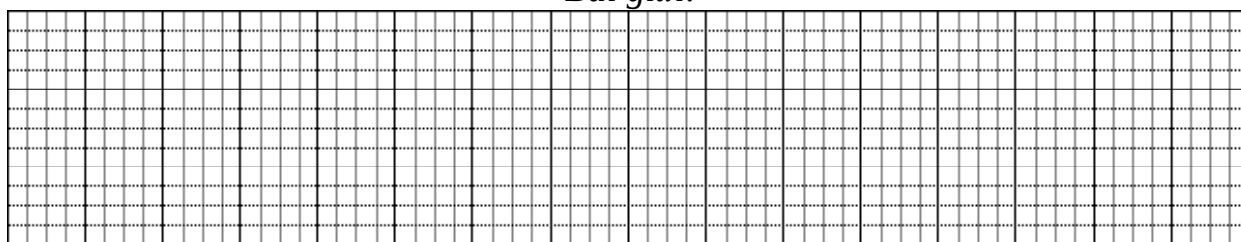
Bài 4. Một can chứa 15l dầu. Hỏi sau khi đổ thêm 5l dầu vào can thì trong can có tất cả bao nhiêu lít dầu?

Bài giải:

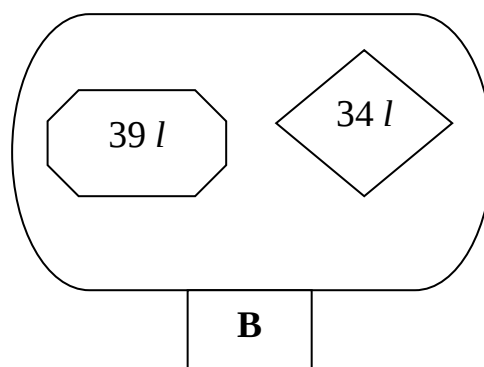
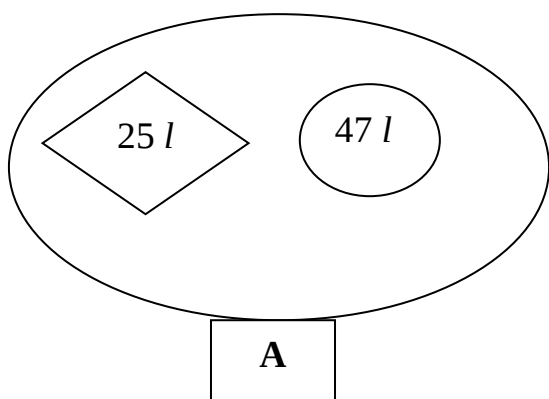


Bài 5: Con chó cân nặng 15 kg, con mèo nhẹ hơn con chó 12 kg. Hỏi con mèo cân nặng bao nhiêu ki - lô- gam?

Bài giải:



Bài 6: Trả lời câu hỏi?



- Hình A chứa tất cả bao nhiêu lít nước?
- Hình B chứa tất cả bao nhiêu lít nước?
- Hình nào chứa nhiều lít nước hơn và nhiều hơn bao nhiêu lít nước?

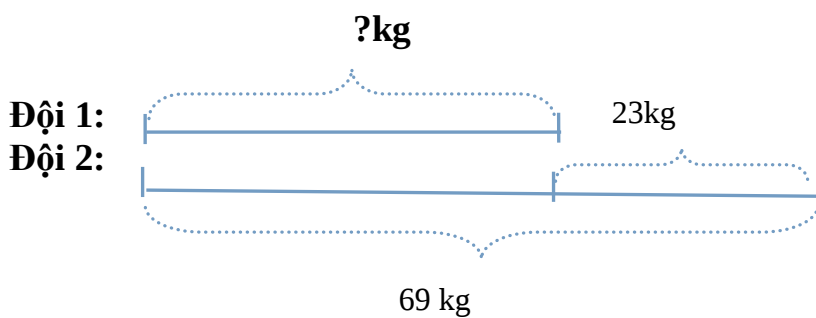
Bài giải:

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The page is covered by a uniform grid of small squares, formed by thin black horizontal and vertical lines. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Bài 7: Số?

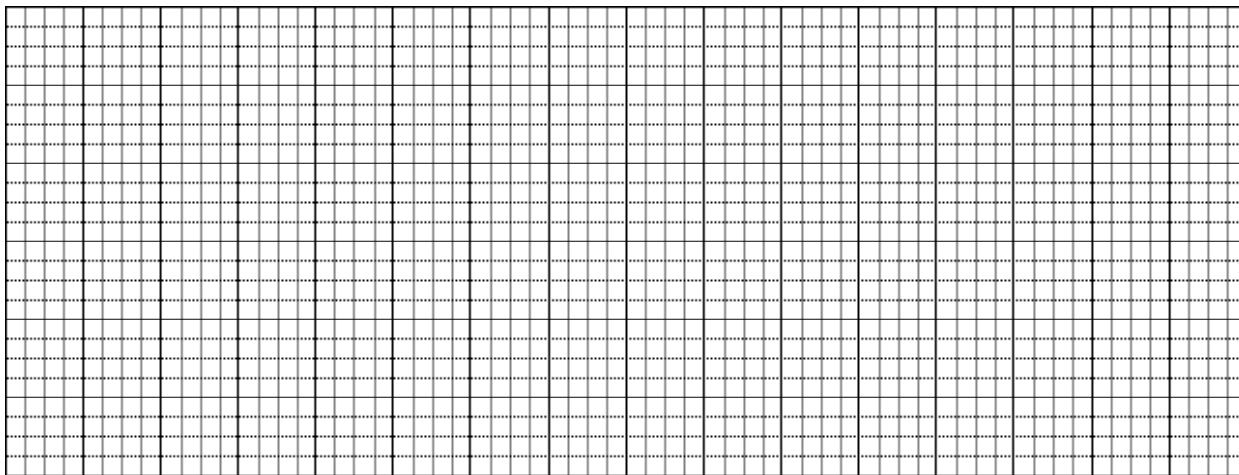
- a) Viết số liền sau của 37:
b) Viết số liền trước của 56:
c) Viết số tròn chục có hai chữ số lớn hơn 22:
d) Viết số lớn nhất có hai chữ số lớn hơn 45 và nhỏ hơn 48:

Bài 8*: Đặt một đề toán theo tóm tắt sau rồi giải:



Đặt đề toán

Bài giải:



BÀI 23: PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

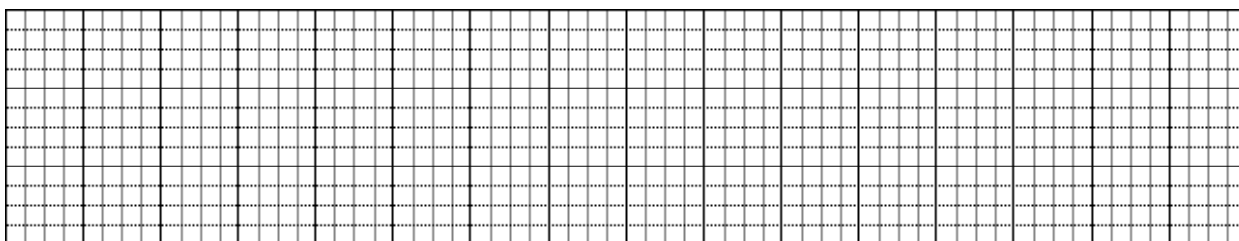
Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$34 - 15$

$46 - 27$

$65 - 38$

$82 - 48$

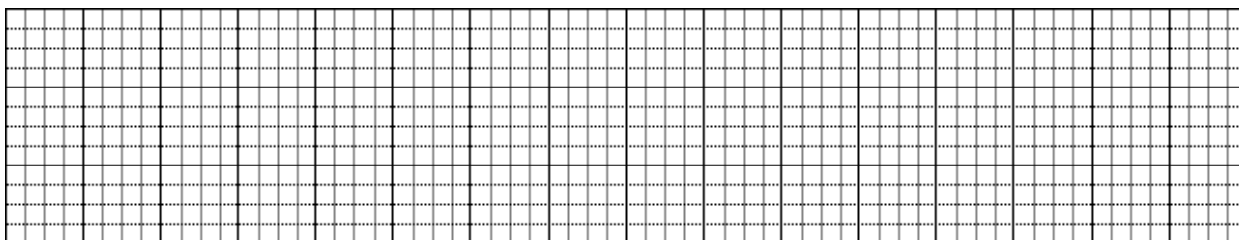


$56 - 49$

$27 - 18$

$62 - 35$

$46 - 18$



Bài 2: Kết quả của phép tính nào lớn nhất?

$44 - 18$

$54 - 29$

$14 + 27$

$72 - 6$

Bài 3: Nối phép tính với kết quả đúng:

$84 - 26$

$53 - 16$

$75 - 38$

$54 - 7$

46

58

49

29

37

47

$68 - 39$

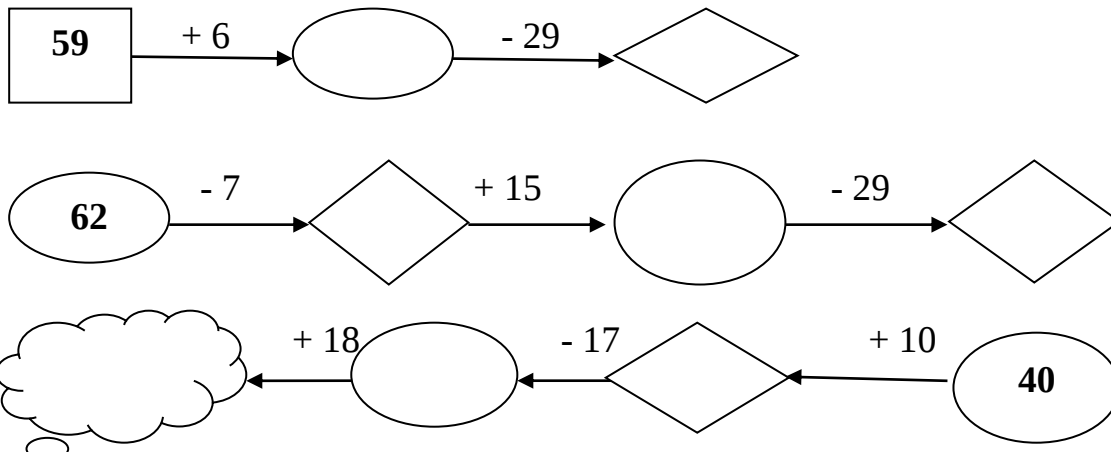
$98 - 49$

$54 - 8$

Bài 4: Số?

Số bị trừ	42	58	64	79	33	77	53	31
Số trừ	6	7	28	48	15	28	34	19
Hiệu								

Bài 5: Số?

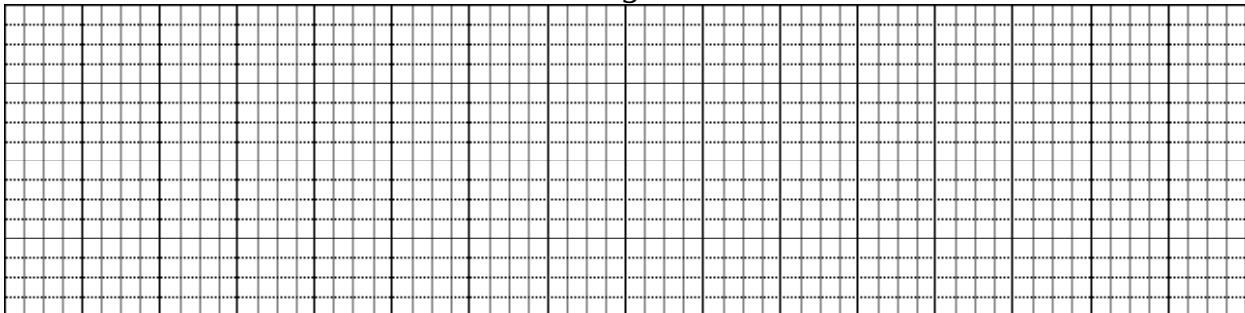


Bài 6: Tính:

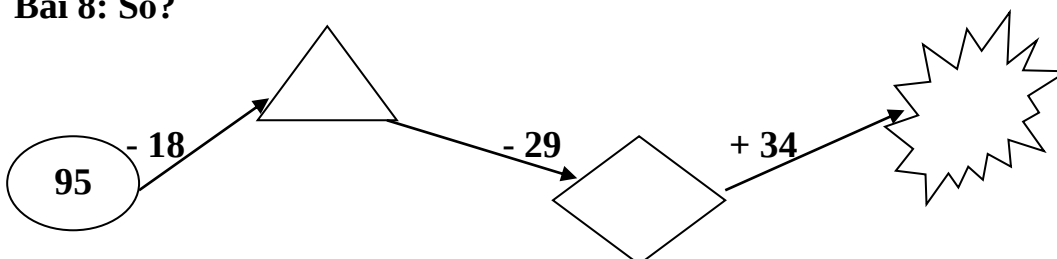
- a) $53 - 19 = \dots\dots\dots$ $45 - 25 = \dots\dots\dots$ $61 - 38 = \dots\dots\dots$
b) $75 - 27 \dots\dots\dots$ $45 - 19 + 6 \dots\dots\dots$ $52 - 24 + 17 \dots\dots\dots$

Bài 7: Nhà Lan nuôi 35 con gà. Nhà Mai nuôi ít hơn nhà Lan 17 con gà. Hỏi nhà Mai nuôi được bao nhiêu con gà?

Bài giải:

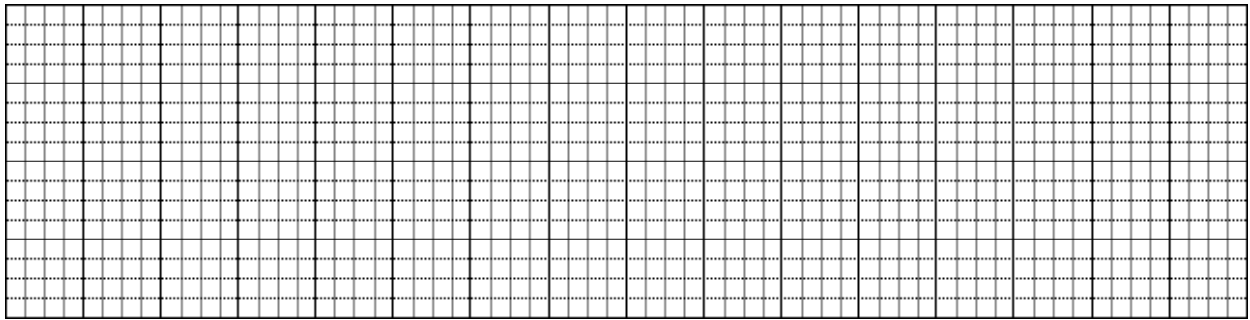


Bài 8: Số?



Bài 9: Từ một thùng xăng người ta lấy ra 75 l xăng thì còn lại 28 l xăng. Hỏi lúc đầu thùng đó có bao nhiêu lít xăng?

Bài giải:



BÀI 24: LUYỆN TẬP CHUNG

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$61 - 32$

$26 + 39$

$73 - 17$

$93 - 58$

.....
.....
.....

Bài 2: Nối số thích hợp với ô trống:

a) $\square \xrightarrow{+12} (76)$ b) $\square \xrightarrow{+10} \square \xrightarrow{+13} (67)$

(33) (64) (22) (54) (44)

c) $\square \xrightarrow{+11} \square \xrightarrow{+57} (90)$

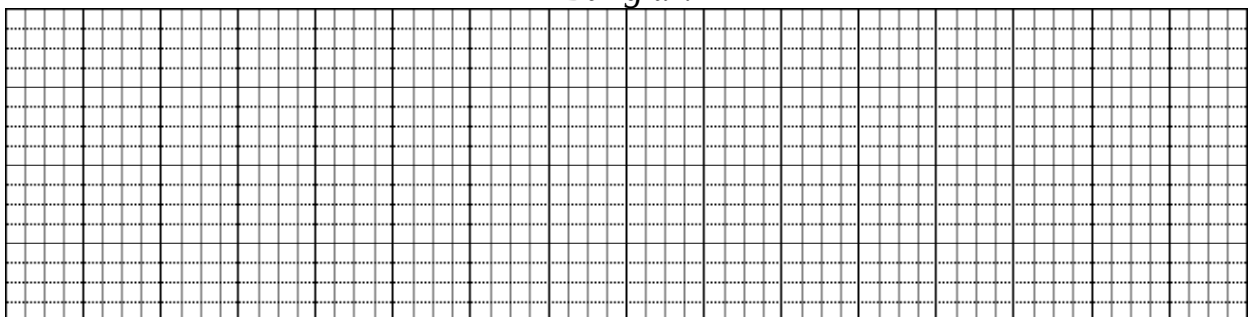
Bài 3: Tính

a) $(67) \xrightarrow{+12} \bigcirc \xrightarrow{+16} \bigcirc$

b) $(45) \xrightarrow{+15} \square \xrightarrow{+20} \square$

Bài 4: Bếp ăn mua 56kg gạo tẻ và 28kg gạo nếp. Hỏi bếp ăn đã mua tất cả bao nhiêu kg gạo?

Bài giải:



Bài 5: Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tất cả : 36 gói kẹo

Thùng 1 : 18 gói kẹo

Thùng 2 : ? gói kẹo

Bài giải:

[illegible]

Bài 6: Một người làm trong buổi sáng được 25 sản phẩm. Hỏi muốn làm được 41 sản phẩm trong một ngày thì buổi chiều người đó phải làm được bao nhiêu sản phẩm nữa?

Bài giải:

[illegible]

Bài 7: Có một can chứa dầu. Sau khi người ta đổ thêm 14 l dầu vào can thì trong can có 34 l dầu. Hỏi lúc đầu trong can có bao nhiêu lít dầu?

Bài giải:

[illegible]

Bài 8: Từ một bao ngô người ta lấy ra 27 kg ngô thì trong bao còn lại số ngô đúng bằng số ngô đã lấy ra. Hỏi lúc đầu trong bao có bao nhiêu ki-lô-gam ngô?

Bài giải:

A large grid of graph paper with a central vertical line and horizontal lines, used for drawing a graph.

Bài 9: Lan mua 24 nhãn vở. Nga mua hơn Lan 7 nhãn vở. Hỏi Nga mua bao nhiêu nhãn vở?

Bài giải:

[illegible]

Bài 10: Cô giáo thưởng cho tổ một 34 quyển vở. Cô thưởng cho tổ hai ít hơn tổ một là 16 quyển vở. Hỏi cô thưởng cho tổ hai bao nhiêu quyển vở?

Bài giải:

[illegible]

Bài 11: Một cửa hàng buổi sáng bán được 78 kg đường, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 13 kg đường. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu kilôgam đường?

Bài giải:

[illegible]

Bài 12: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 80; 81;;;;; 86

b) 70;;;;; ...; 64

Bài 13: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

a) $25 + 14 = 39$ ☐	
c) $60 + 40 = 90$ ☐	

b) $42 + 15 = 71$	
d) $25 + 45 = 70$	

Bài 14: Hình sau có:

A. 3 hình tam giác

B. 4 hình tam giác

C. 5 hình tam giác



CHỦ ĐỀ 5: LÀM QUEN VỚI HÌNH PHẪNG

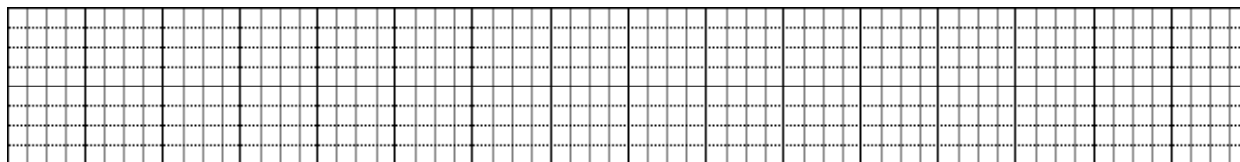
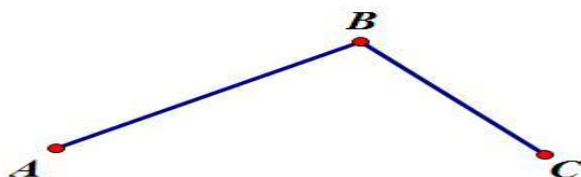
BÀI 25: ĐIỂM, ĐOẠN THẲNG, ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG, BA ĐIỂM THẲNG HÀNG

A. Kiến thức cần ghi nhớ

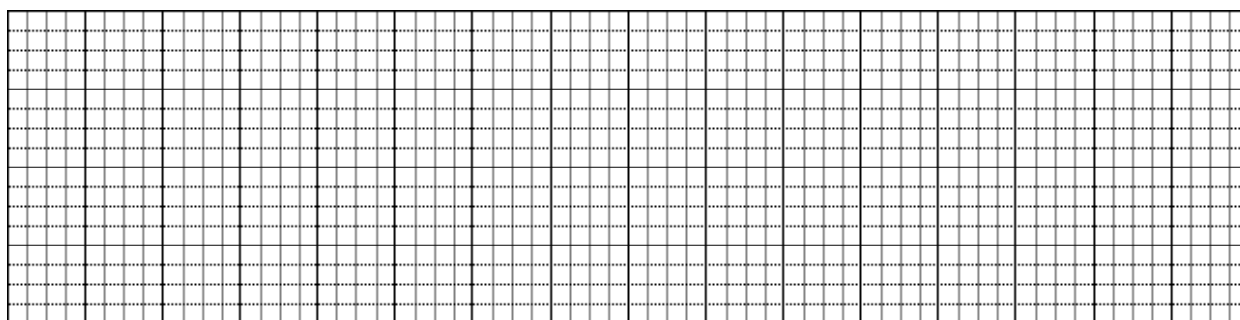
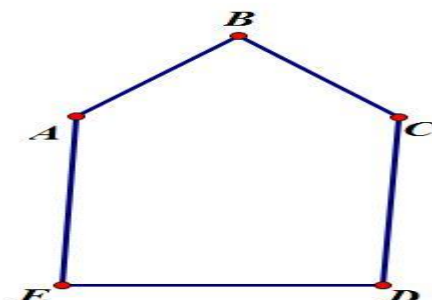
- Điểm được đặt tên bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng anh và viết in hoa.
- Đoạn thẳng được giới hạn bởi hai điểm và tên của đoạn thẳng được đọc bằng cách ghép tên hai điểm đó.

B. Bài tập

Bài 1: Đọc tên điểm và đoạn thẳng có trong hình sau:

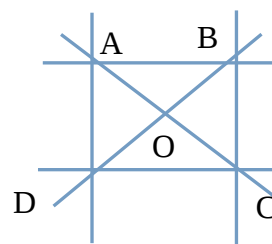


Bài 2: Hình dưới đây có bao nhiêu điểm, bao nhiêu đoạn thẳng?

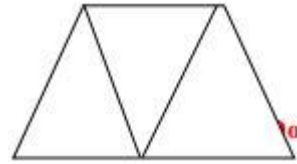


Bài 3: Trong hình bên có:

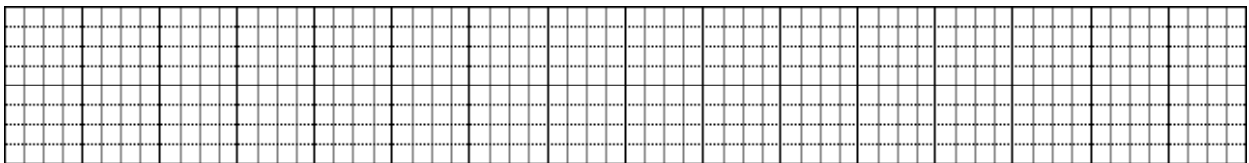
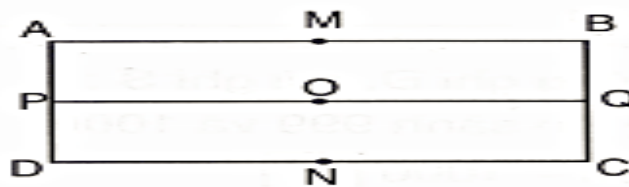
- a) điểm
b) đường thẳng



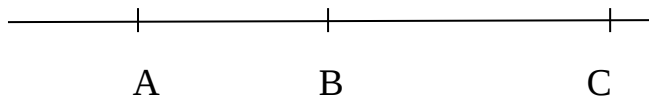
Bài 4: Hình bên có bao nhiêu đoạn thẳng?



Bài 5: Hãy nêu tên các điểm thẳng hàng có trong hình dưới đây:



Bài 6: Cho hình vẽ, điền vào chỗ trống cho thích hợp:



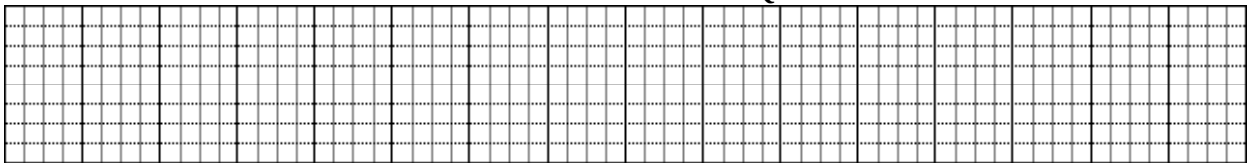
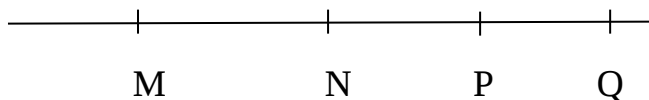
- a) Điểm A không nằm giữa hai điểm
b) Điểm C..... hai điểm A, B.
c) Điểm B nằm giữa hai điểm.....
d) Ba điểm thẳng hàng.

b) Điểm C..... hai điểm A, B.

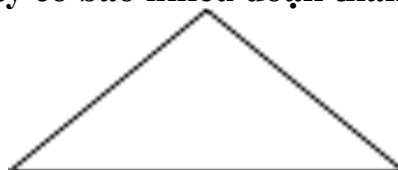
c) Điểm B nằm giữa hai điểm.....

d) Ba điểm thẳng hàng.

Bài 7: Tìm ba điểm thẳng hàng trong hình sau:



Bài 6: Trên hình vẽ sau đây có bao nhiêu đoạn thẳng?



- A. 3 đoạn thẳng B. 4 đoạn thẳng C. 5 đoạn thẳng D. 6 đoạn thẳng

BÀI 26, 27, 28: ĐƯỜNG GẤP KHÚC, HÌNH TỨ GIÁC. THỰC HÀNH GẤP, CẮT, XÉP, VẼ HÌNH, VẼ ĐOẠN THẲNG. LUYỆN TẬP CHUNG

A. Kiến thức cần nhớ

1. Nhận biết đường gấp khúc

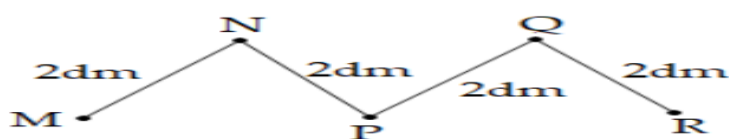
- Đường gấp khúc gồm nhiều đoạn thẳng thành phần nối tiếp nhau và các đoạn thẳng đó không cùng nằm trên một đường thẳng.
- Đọc tên đường gấp khúc theo thứ tự các điểm nối tiếp.

2. Độ dài đường gấp khúc

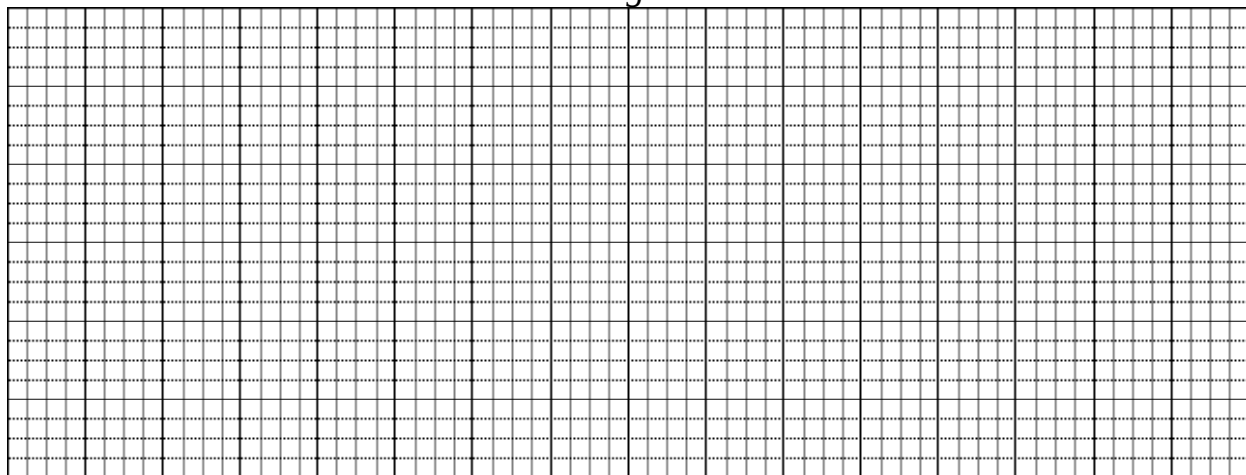
- Độ dài đường gấp khúc bằng **tổng** độ dài các đoạn thẳng thành phần.

B. Bài tập

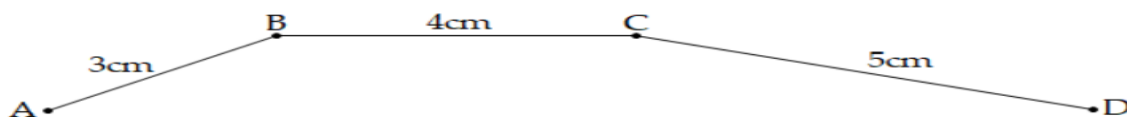
Bài 1: Nêu tên đường gấp khúc có trong hình và tính độ dài đường gấp khúc MNPQR



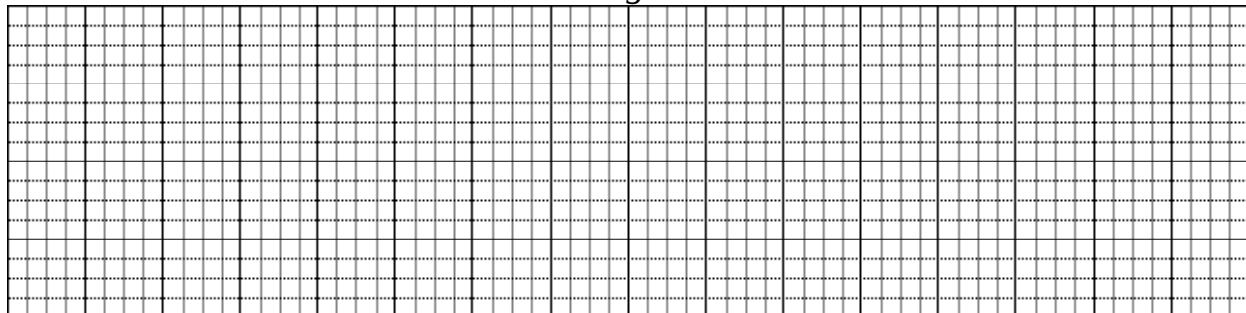
Bài giải:



Bài 2: Tính độ dài đường gấp khúc sau:



Bài giải:



Bài 3: Hình sau có:

A. 3 tứ giác

B. 4 tứ giác

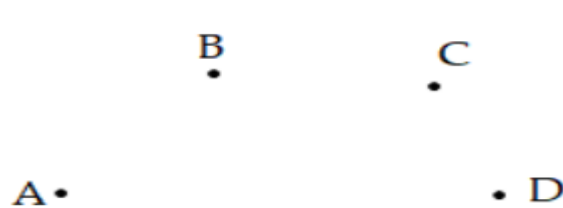
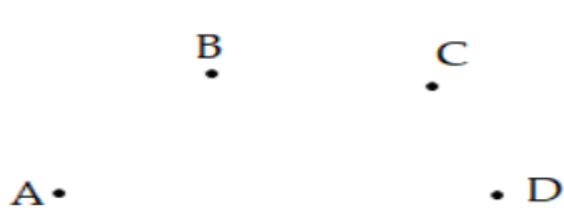
C. 5 tứ giác



Bài 4: Nối các điểm để được đường gấp khúc gồm ba đoạn thẳng:

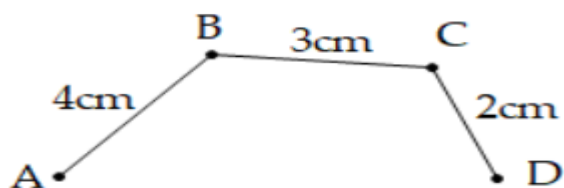
* Cách 1:

* Cách 2:

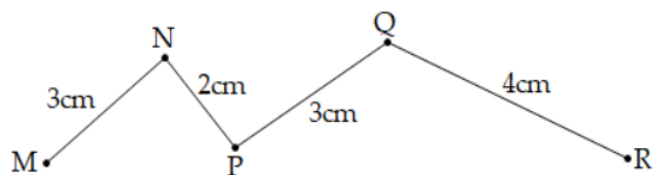


Bài 5: Tính độ dài đường gấp khúc sau:

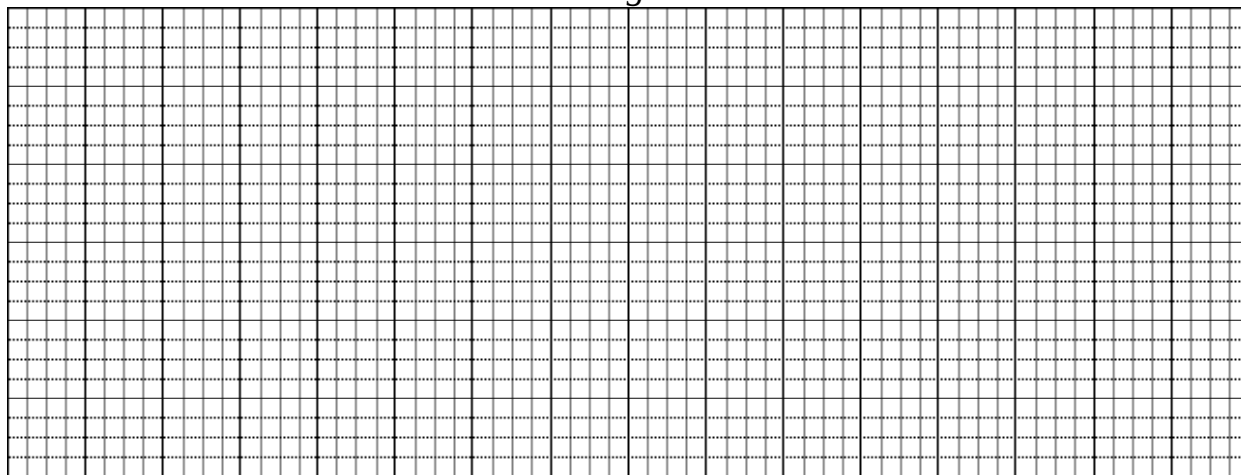
a)



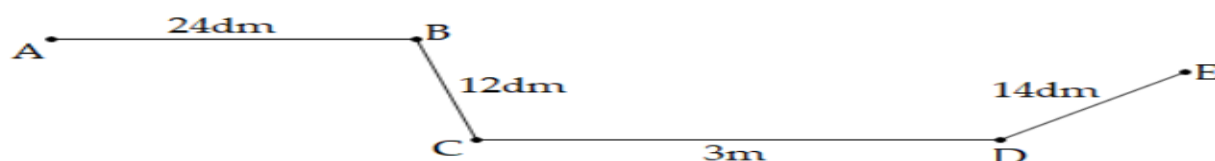
b)



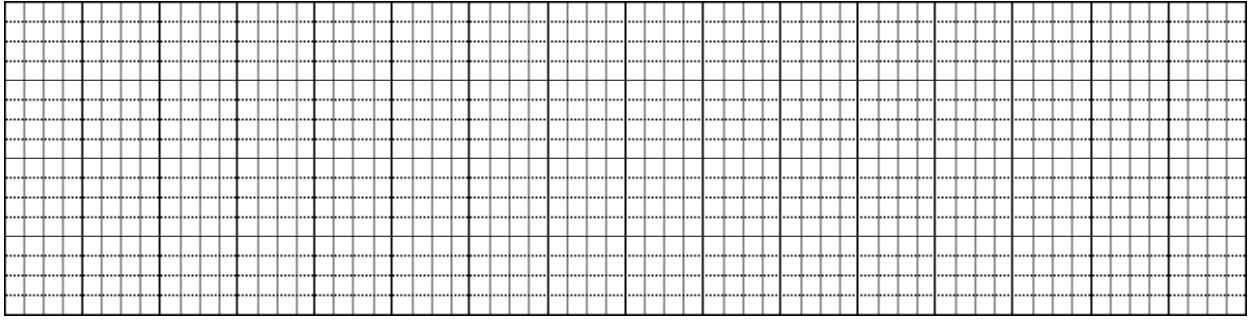
Bài giải:



Bài 6: Con ốc sên bò từ A đến E (như hình vẽ). Hỏi con ốc sên phải bò đoạn đường dài bao nhiêu đề-xi-mét ?

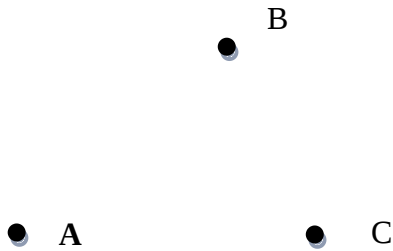


Bài giải:

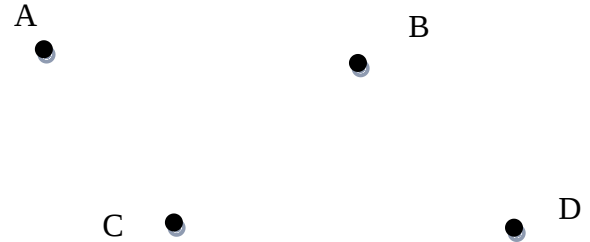


Bài 7: Nối các điểm để được đường gấp khúc gồm:

a) Hai đoạn thẳng

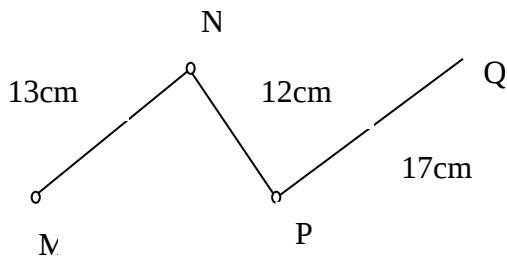


b) Ba đoạn thẳng

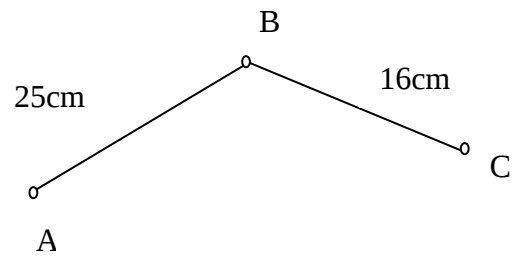


Bài 8: Tính độ dài đường gấp khúc:

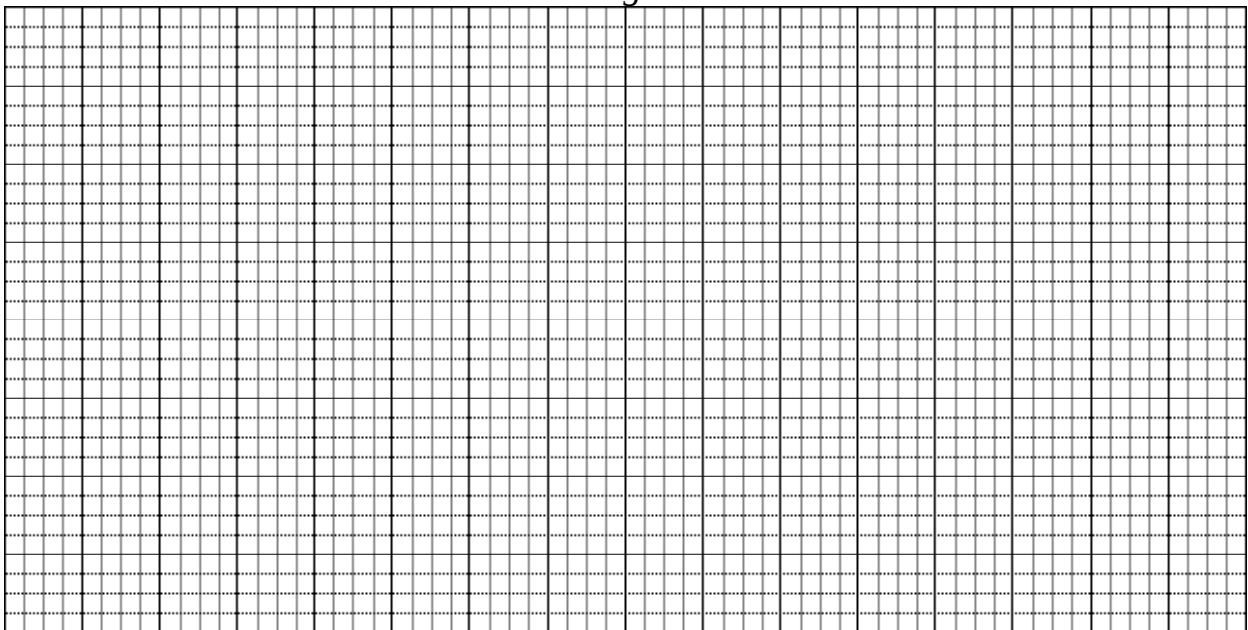
a)



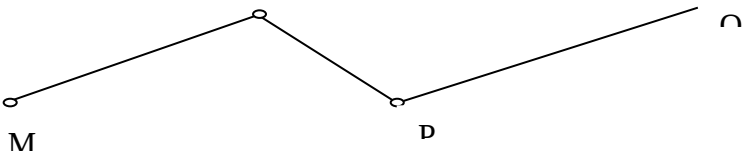
b)



Bài giải:

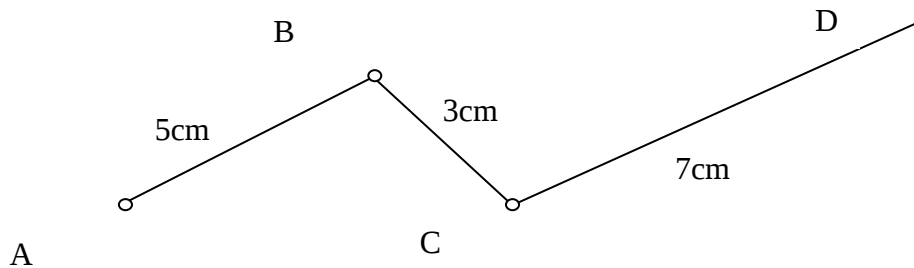


Bài 9: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a) Tên gọi của đường gấp khúc  dưới đây là:

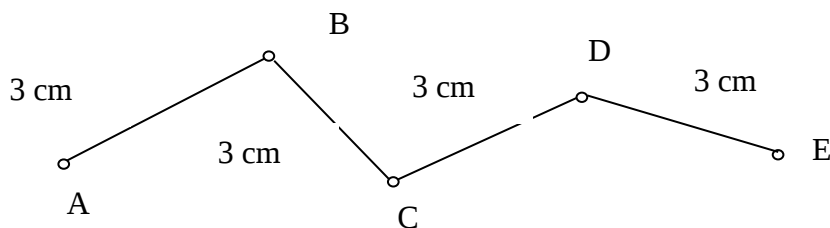
- A. MPNQ B. MNPQ C. NMPQ D. MQPN

b) Độ dài của đường gấp khúc ABCD là:



- A. 10 cm B. 14 cm C. 15 cm D. 12 cm

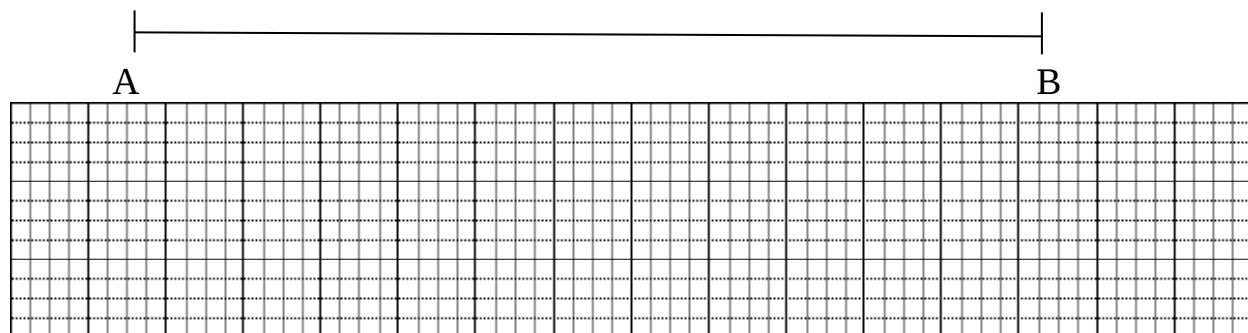
c) Tính độ dài của đường gấp khúc



A. $3 + 3 + 3 = 9$ (cm)

C. $3 + 3 + 3 + 3 = 12$ (cm)

Bài 10: Nêu tên đoạn thẳng . Em hãy đo độ dài đoạn thẳng đó.



Bài 11: Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 11 cm

BÀI 29: NGÀY - GIỜ; GIỜ - PHÚT

1. Ngày - giờ

- Một ngày có 24 giờ
- 24 giờ một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau
- + Sáng: 1 giờ sáng, 2 giờ sáng, 3 giờ sáng, 4 giờ sáng, 5 giờ sáng, 6 giờ sáng, 7 giờ sáng, 8 giờ sáng, 9 giờ sáng, 10 giờ sáng.
- + Trưa: 11 giờ trưa, 12 giờ trưa.
- + Chiều: 1 giờ chiều (13 giờ), 2 giờ chiều (14 giờ), 3 giờ chiều (15 giờ), 4 giờ chiều (16 giờ), 5 giờ chiều (17 giờ), 6 giờ chiều (18 giờ).
- + Tối: 7 giờ tối (19 giờ), 8 giờ tối (20 giờ), 9 giờ tối (21 giờ).
- + Đêm: 10 giờ đêm (22 giờ), 11 giờ đêm (23 giờ), 12 giờ đêm (24 giờ).

- 1 giờ bằng 60 phút hay 60 phút bằng 1 giờ.

Bài 1: Viết giờ thích hợp vào chỗ chấm?

An analog clock with a blue border. The hour hand is between 3 and 4, and the minute hand is pointing at 5. The time is 3:25.

A

B

C

D

[illegible]

Bài 3: Vẽ thêm kim giờ, kim phút vào từng chiếc đồng hồ ứng với thời gian đã cho bên dưới?



5 giờ



2 giờ 30 phút



3 giờ 15 phút



12 giờ rưỡi



9 giờ



9 giờ 15 phút

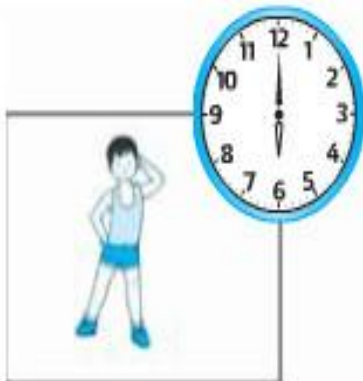


9 giờ 30 phút

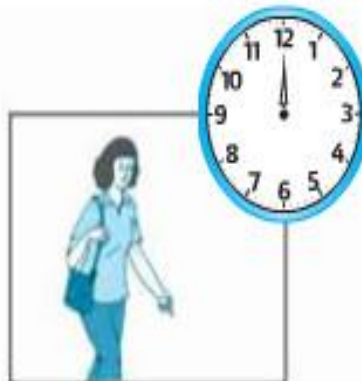


10 giờ

Bài 4: Viết thời gian thích hợp vào dấu chấm?



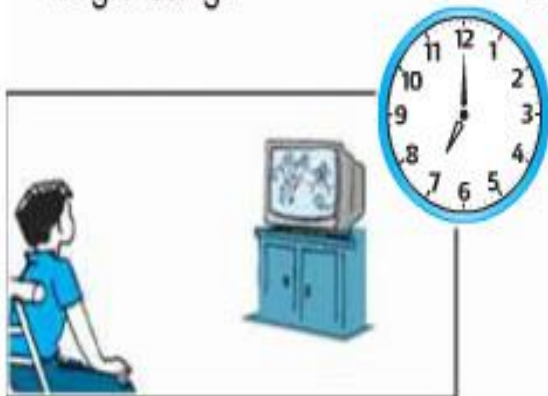
Em tập thể dục lúc
... giờ sáng.



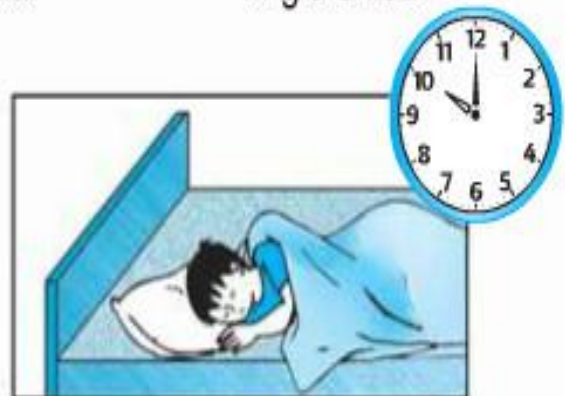
Mẹ em đi làm về lúc
... giờ trưa.



Em chơi bóng lúc
... giờ chiều.



Lúc ... giờ tối em xem
phim truyền hình.



Lúc ... giờ đêm em đang ngủ.

BÀI 30, 31: NGÀY THÁNG. THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM XEM ĐỒNG HỒ, XEM LỊCH

A. Kiến thức cần ghi nhớ

- Tháng 1, tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 8, tháng 10, tháng 12 có 31 ngày.
- Tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11 có 30 ngày
- Tháng 2 có 28 hoặc 29 ngày.

B. Bài tập

Bài 1: Quan sát tờ lịch tháng 4 và trả lời câu hỏi:

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
4				1	2	3	4
	5	6	7	8	9	10	11
	12	13	14	15	16	17	18
	19	20	21	22	23	24	25
	26	27	28	29	30		

- Tháng 4 có ngày
- Các ngày thứ sáu trong tháng 4 là các ngày
- Thứ ba tuần này là ngày 20 tháng 4. Thứ ba tuần trước là ngày
Thứ ba tuần sau là ngày
- Ngày 30 tháng 4 là ngày thứ
- Nêu các ngày trong tháng 4 là chủ nhật. Đó là

Bài 2: Quan sát tờ lịch tháng 1 và trả lời câu hỏi:

THÁNG 1 NĂM 2021						
THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
				1 19/11	2 20	3 21
4 22	5 23	6 24	7 25	8 26	9 27	10 28
11 29	12 30	13 1/12	14 2	15 3	16 4	17 5
18 6	19 7	20 8	21 9	22 10	23 11	24 12
25 13	26 14	27 15	28 16	29 17	30 18	31 19

- Tháng 1 có ngày
- Các ngày thứ ba trong tháng là các ngày
- Thứ tư tuần này là ngày 6 tháng 1. Thứ tư tuần trước là ngày
Thứ tư tuần sau là ngày
- Ngày 25 tháng 1 là ngày thứ
- Nêu các ngày trong tháng 1 là thứ năm. Đó là

- Các tháng có 31 ngày là:

d) Ngày 20 tháng 11 là thứ 6. Hỏi Ngày 12 tháng 11 của cùng năm đó là thứ mấy?

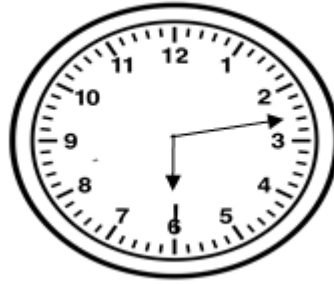
A full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin black lines. There are 20 columns and 20 rows of squares, creating a total area of 400 small squares. The grid covers most of the page, leaving a narrow margin at the top and bottom.[illegible][illegible]

D. 1 tháng 5

BÀI 32: LUYỆN TẬP CHUNG

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a) Đồng hồ dưới đây chỉ mấy giờ?



A. 6 giờ 13 phút

B. 6 giờ 15 phút

C. 7 giờ kém 45 phút

b) Các tháng có 30 ngày là:

A. Tháng 4, tháng 6, tháng 9

B. Tháng 2, tháng 4, tháng 8

C. Tháng 4, tháng 6, tháng 10

D. Tháng 4, tháng 6, tháng 12

c) Tháng 2 có 30 ngày. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

d) Một năm có bao nhiêu tháng có 31 ngày?

A. 4 tháng

B. 5 tháng

C. 6 tháng

D. 7 tháng

e) Ngày 5 tháng 5 của năm nào đó là thứ ba. Hỏi ngày 23 tháng 5 của năm đó là thứ mấy?

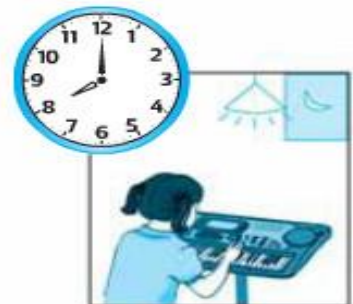
A. Thứ bảy

B. Chủ nhật

C. Thứ hai

D. Thứ ba

g) Quan sát tranh và khoanh vào đáp án em cho là đúng:



a) Đi học đúng giờ.

c) Cửa hàng đã mở cửa.

e) Lan tập đàn lúc 20 giờ.

b) Đi học muộn giờ.

d) Cửa hàng đóng cửa.

g) Lan tập đàn lúc 8 giờ sáng.

Bài 3: Quan sát tờ lịch và trả lời câu hỏi:

THÁNG 5 NĂM 2021						
THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
					1 20/3	2 21
3 22	4 23	5 24	6 25	7 26	8 27	9 28
10 29	11 30	12 1/4	13 2	14 3	15 4	16 5
17 6	18 7	19 8	20 9	21 10	22 11	23 12
24 13	25 14	26 15	27 16	28 17	29 18	30 19
31 20						

- Đây là tờ lịch tháng mấy?
- Tháng đó có bao nhiêu ngày?
- Kể tên các ngày trong tháng là thứ sáu.
- Ngày 12 tháng 5 là thứ mấy? Ngày 30 tháng 4 là thứ mấy?

[illegible]

Bài 4: Nối đồng hồ với thời gian đúng:



3 giờ

12 giờ

8 giờ



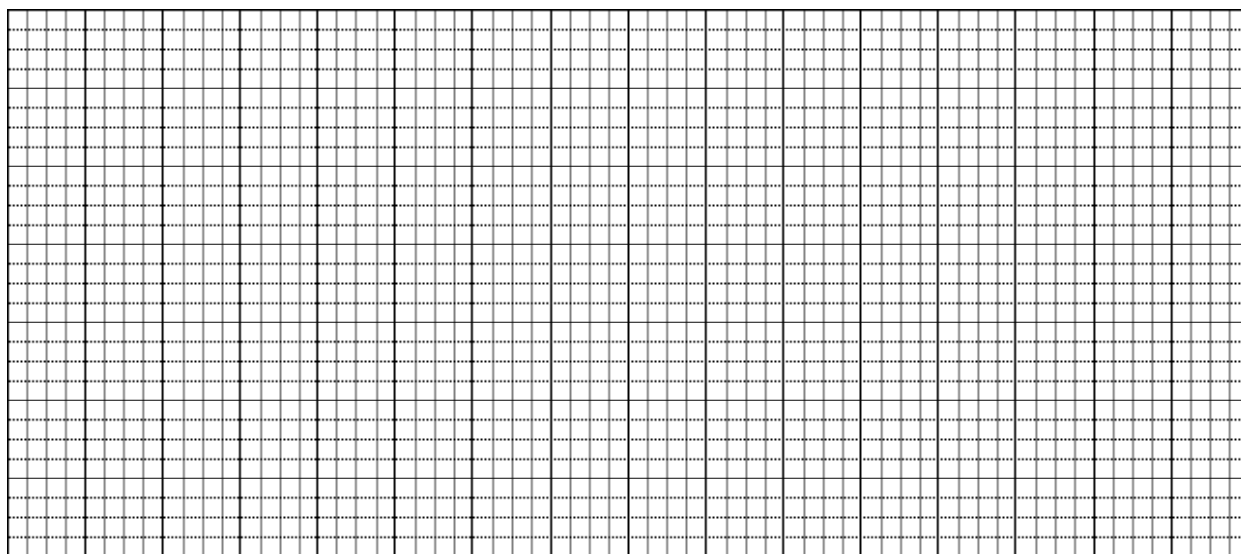
Bài 5: Thực hiện các yêu cầu a, b?

1.

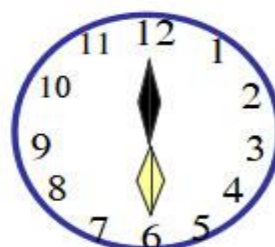
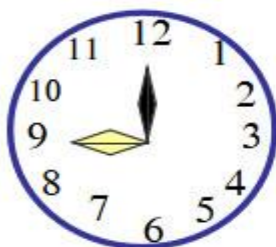
a) Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



b) Vào buổi chiều, hai đồng hồ nào chỉ cùng giờ ?



Bài 6: Nối đồng hồ với thời gian đúng:



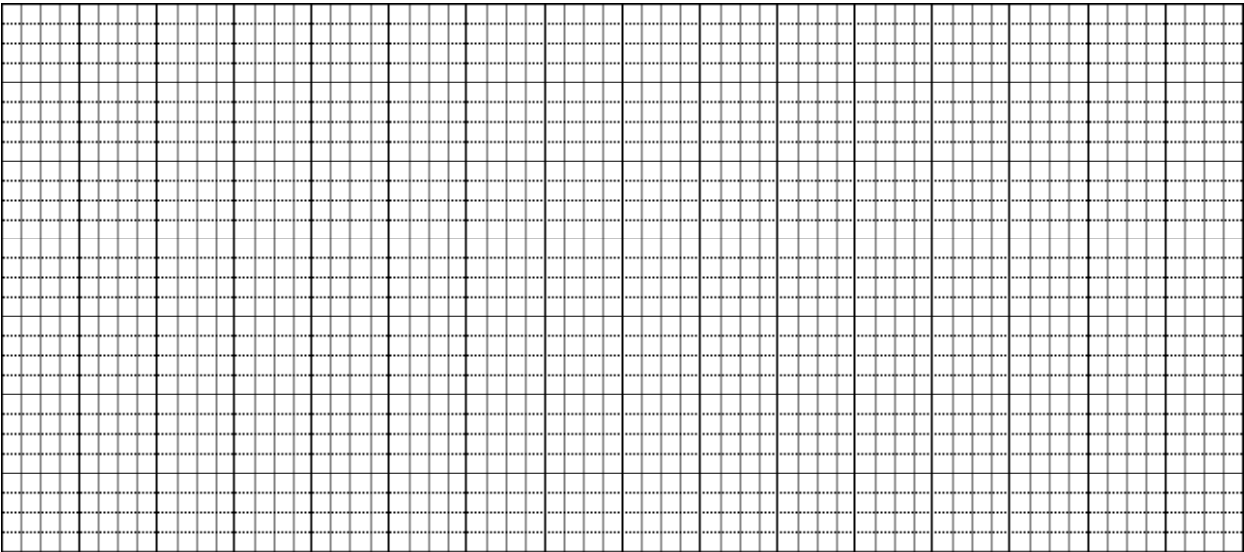
2 giờ

6 giờ

7 giờ

9 giờ

Bài 7: Đồng hồ sau chỉ mấy giờ?



Bài 8: Nối thời gian ứng với việc làm của bạn An:



An vào học lúc 13 giờ 30 phút.

An ra chơi lúc 15 giờ.



An vào học tiếp lúc 15 giờ 15 phút.

An tan học lúc 16 giờ 30 phút.



An tưới rau lúc 5 giờ 30 phút chiều.

An ăn cơm lúc 7 giờ tối.



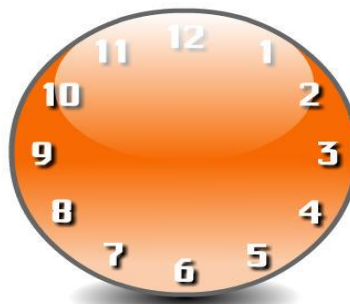
Bài 9: Nối đồng hồ với thời gian tương ứng

	9 giờ 15 phút	
	3 giờ 20 phút	
	2 giờ	
	8 giờ kém 10 phút	

Bài 10: Vẽ thêm kim đồng hồ chỉ:



a) 5 giờ



b) 8 giờ 15 phút



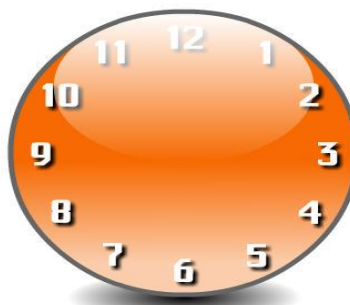
c) 10 giờ rưỡi



d) 12 giờ



e) 4 giờ 45 phút



g) 7 giờ 10 phút

CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

BÀI 33: ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10, 100

Bài 1: Tính nhẩm:

$7 + 9$	$3 + 9$	$5 + 7 - 3$
$12 - 5$	$14 - 8$	$13 - 4 + 9$
$4 + 8$	$5 + 8$	$6 + 9 - 8$
$13 - 7$	$13 - 9$	$17 - 8 + 6$
$6 + 6$	$8 + 8$	$4 + 24 - 17$
$15 - 9$	$18 - 9$	$45 - 16 + 9$

Bài 2: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

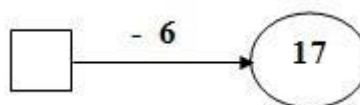
a) Số tròn chục liền trước của 99 là:

- A. 98 B. 100 C. 90 D. 80

b) Tuần này, thứ bảy là ngày 22 tháng 12. Thứ bảy tuần trước là ngày nào? .

- A. Ngày 14 tháng 12. B. Ngày 15 tháng 12
C. Ngày 16 tháng 12. D. Ngày 17 tháng 12

c) Số điền vào ô trống trong phép tính là:



- A. 11 B. 23 C. 13 D. 33

d) Hiệu của 24 và 12 là:

- A. 36 B. 12 C. 33 D. 2

g) Viết số thích hợp vào ô trống:

$54 + 39 = \square + 29$

- A. 34 B. 44 C. 54 D. 64

h) Thứ năm tuần này là ngày 10 tháng 5. Hỏi thứ năm tuần sau là ngày bao nhiêu tháng 5?

- A. 9 B. 3 C. 17

Bài 3: Đặt tính rồi tính

$32 + 26$	$73 - 46$	$68 + 17$	$92 - 46$
.....			
.....			
			

$67 + 13$	$34 + 56$	$8 + 89$	$76 + 25$
.....			
.....			
.....			
$58 + 17$	$46 + 49$	$79 - 54$	$75 - 38$
.....			
.....			
.....			

Bài 4: Điền dấu $>$, $<$, $=$

a) $16 + 25 \dots 25 + 16$

b) $31 + 10 \dots\dots 50 - 20$

c) $43 - 32 \dots 20$

d) $56 \dots\dots 20 + 36$

Bài 5: Tính:

a) $74 - 38 + 27$

$$35 + 17 - 40$$

$$87 - 29 + 37$$

[illegible]

b) $37 + 3 + 5 = \dots\dots\dots$

$$55 + 35 + 7 = \dots\dots\dots$$

$$14 + 23 + 43 = \dots\dots\dots$$

[illegible]

$$= \dots$$

$$= \dots$$

c) $56 + 34 - 90 = \dots\dots\dots$

$$42 + 8 + 10 = \dots\dots\dots$$

$$48 - 20 + 2 = \dots\dots\dots$$

[illegible]

$$= \dots$$

$$= \dots$$

d) $68 - 28 - 20 = \dots\dots\dots$

$$21 + 9 + 30 = \dots\dots\dots$$

$$= \dots$$

$$= \dots$$

Bài 6: Số?

a) $18 < \dots < 20$; b) $98 < \dots < 100$; c) $65 > \dots > 62$

b) $98 < \dots < 100$;

c) $65 > \dots > 62$

Bài 7: Tìm một số hạng của tổng biết tổng và số hạng còn lại là:

a. 51 và 19

b. 61 và 27

c. 91 và 56

a. Số hàng cần tìm là: $51 - 19 = \dots\dots\dots$

b.

C.

Bài 8: Điền số thích hợp vào ô trống?

Số bị trừ	46	42	52	32	92
Số trừ	15	27	29	28	46
Hiệu					

Bài 9: Nối phép tính với kết quả của phép tính:

$75 - 36$

$25 - 7$

$56 - 27$

17

49

59

39

29

18

$67 - 18$

$46 - 29$

$98 - 39$

Bài 10: Nối số thích hợp với ô trống:

a) $\xrightarrow{-38}$

56

b) $\xrightarrow{\text{Bớt } 48}$

27

95

94

74

75

Bài 11: Số?

- a) Liên trước số 100 là ...

b) Liên sau số 39 là ...

c) Liên sau số 78 là ...

d) Liên trước số 41 là ...

Bài 12: Nối ô trống với số thích hợp:

$14 + \square < 19$

$18 - \square < 15$

$\square + 12 < 15$

- 1

2

3

4

5

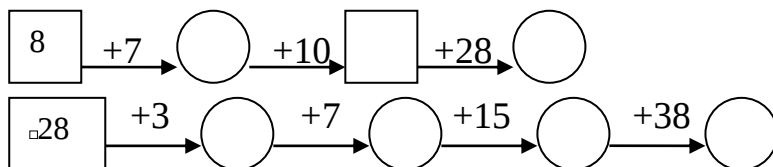
6

7

8

9

Bài 13: Số?



Bài 14: Nối các phép tính với kết quả của phép tính đó:

$84 - 48$

$90 - 18$

$47 + 28$

36

45

$29 + 16$

$94 - 49$

75

72

$92 - 17$

$45 + 27$

$17 + 19$

Bài 15: Nối phép tính với kết quả của phép tính đó:

$$55 + 26 + 17$$

$$55 + 26 - 17$$

12

64

46

98

$$\boxed{55 - 26 + 17}$$

55-26-17

Bài 16: Mẹ mua 24 kg gạo nếp, số gạo tẻ nhiều hơn số gạo nếp 17 kg. Hỏi mẹ mua bao nhiêu ki- lô- gam gạo tẻ?

Bài giải:

[illegible]

Bài 17: Trên xe buýt có 33 người. Đến điểm đỗ xe có 17 người xuống xe. Hỏi trên xe buýt còn lại bao nhiêu người?

Bài giải:

A large grid of graph paper, consisting of a solid outer border and a dotted inner grid. The grid is 20 units wide and 10 units high. The dotted lines are spaced at 1-unit intervals, while the solid lines are at the 0, 10, and 20-unit marks on both axes.

Bài 18: Dũng có 67 viên bi. Hùng cho thêm Dũng 25 viên bi. Hỏi Dũng có tất cả bao nhiêu viên bi?

Bài giải:

[illegible]

Bài 19: Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Lớp 2A có : 33 bạn

Lớp 2B có : 29 bạn

Cả hai lớp có : ... bạn?

Bài giải:

A large grid of graph paper, divided into two equal halves by a central vertical line. Each half contains a grid of small squares, with horizontal lines extending across the entire width of the page. The grid is intended for drawing a graph.

Bài 20: Giải bài toán dựa theo tóm tắt:

Ngăn trên: 34 quyển sách

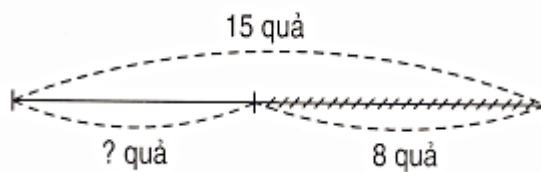
Ngăn dưới: 48 quyển sách

Cả 2 ngăn: ? Quyền sách ?

Bài giải:

[illegible]

Bài 20: Giải bài toán theo tóm tắt sau:



Bài giải:

[illegible]

Bài 20: Một cửa hàng có 82 chiếc xe đạp, đã bán được 25 chiếc xe đạp. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc xe đạp?

Bài giải:

[illegible]

Bài 21: Cửa hàng có một số xe đạp. Sau khi người ta bán được 37 xe đạp thì còn lại 28 xe đạp. Hỏi lúc đầu cửa hàng có bao nhiêu chiếc xe đạp?

Bài giải:

[illegible]

Bài 22: Một đàn gia cầm có 54 con vừa gà, ngan, vịt. Biết cả số gà và số ngan gồm có 19 con. Hỏi số vịt của đàn gia cầm có bao nhiêu con?

Bài giải:

[illegible]

Bài 23: Điền vào ô trống trong bảng?

a)	Số bị trừ		85		47
	Số trừ	49	18	19	28
	Hiệu	23		68	

b)	Số bị trừ	56	97		45
	Số trừ	37		9	26
	Hiệu		86	17	

Bài 24*: Tìm hiệu của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số với số tròn chục bé nhất có hai chữ số?

Bài giải:

[illegible]

Bài 25*: a) Tìm tổng của số có 2 chữ số lớn nhất với số có 1 chữ số bé nhất khác 0?

Bài giải:

A large grid of graph paper, typically used for mathematics or science. It features a central vertical line and a central horizontal line, intersecting at the center. These lines divide the grid into four equal quadrants. The grid is composed of small squares, with the central lines being slightly thicker than the others. The grid is empty, with no markings or text other than the faint '©' symbol at the top center.

b) Bốn bạn Xuân, Hạ, Thu, Đông là học sinh lớp 2. Bạn Xuân đố các bạn: “Năm nay bố tớ hơn tớ 36 tuổi. Hỏi 2 năm trước bố tớ hơn tớ bao nhiêu tuổi?”

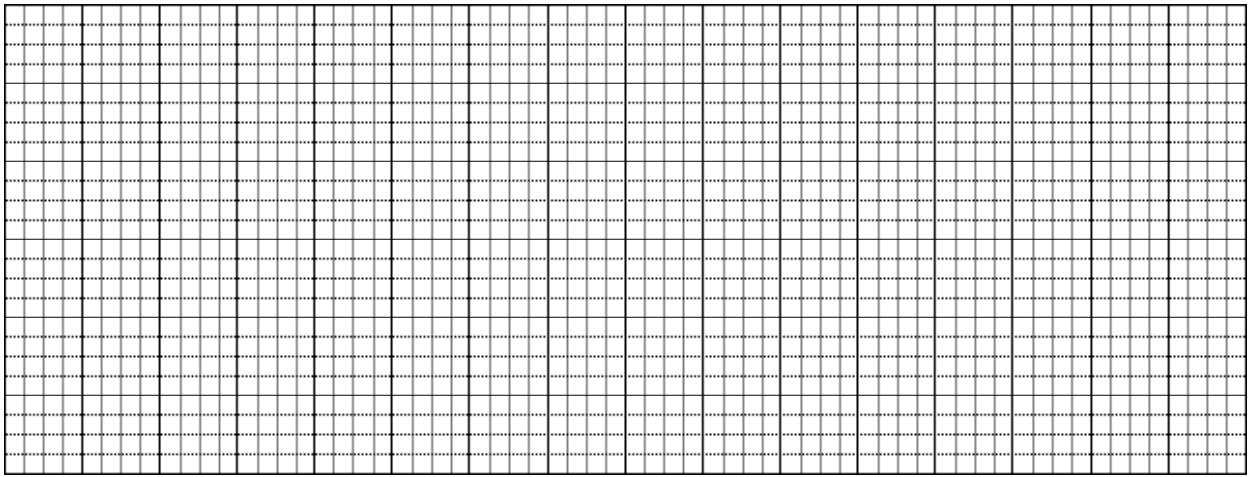
Hà trả lời: 38 tuổi. Thu trả lời: 34 tuổi Đông trả lời: 36 tuổi

Theo em bạn nào trả lời đúng?

* Trả lời:

Bài 26*: Hãy viết tất cả các số có hai chữ số mà tổng của hai chữ số đó bằng 10.

Bài giải:



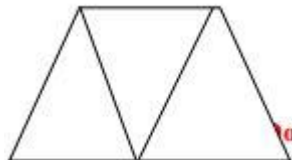
BÀI 34: ÔN TẬP VỀ HÌNH PHẪNG

Bài 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :



- A. 2 hình tam giác và 2 hình tứ giác
- B. 2 hình tam giác và 3 hình tứ giác
- C. 2 hình tam giác và 4 hình tứ giác

Bài 2: Hình bên có:



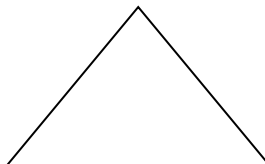
a) hình tam giác

b) hình tứ giác

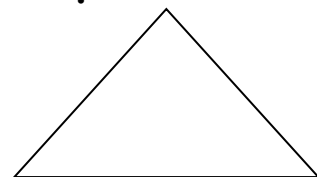
Bài 3*: Hãy vẽ thêm 2 đoạn thẳng vào hình đã cho để được:

- a. 5 tam giác
- b. 6 tam giác

a)



b)

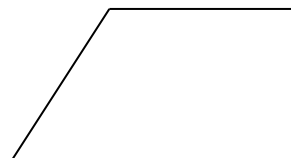
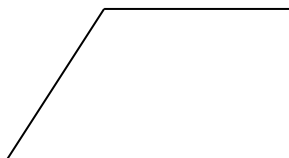


Bài 3: Vẽ đoạn thẳng có độ dài 4 cm ?

Bài 4*: Vẽ thêm một đoạn thẳng vào hình bên để có:

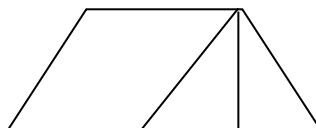
a) 2 tam giác và 1 tứ giác

b) 2 tứ giác và 1 tam giác

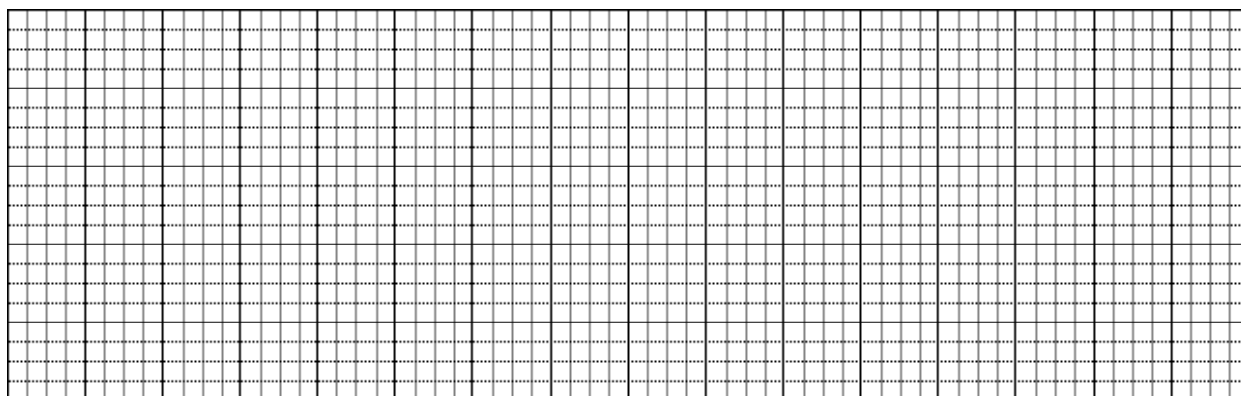
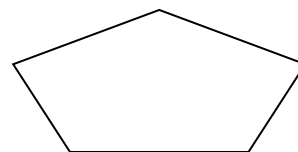
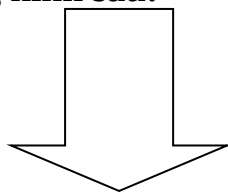


Bài 5: Trong hình vẽ bên :

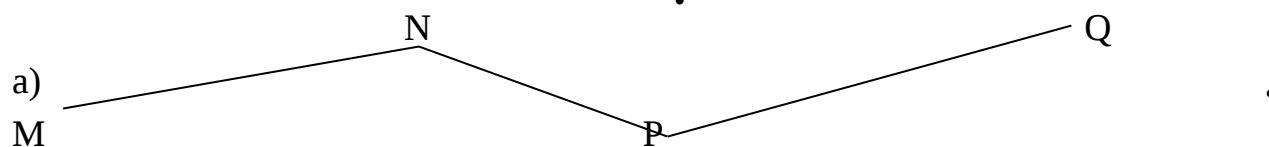
- Có tam giác.
- Có tứ giác.



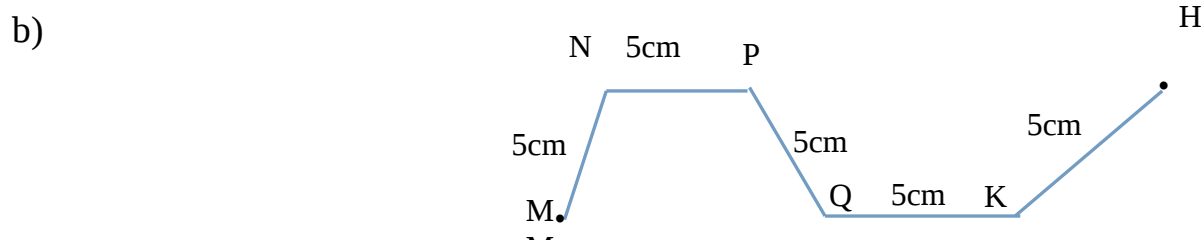
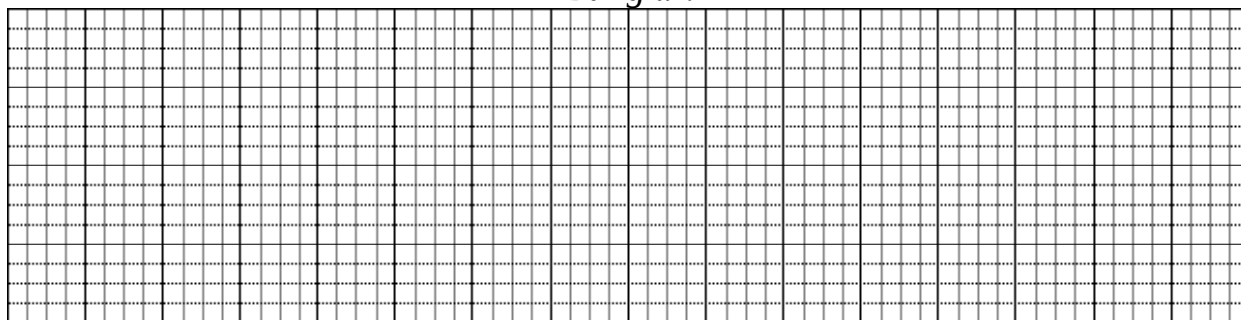
Bài 6: Có mấy đoạn thẳng trong hình sau:



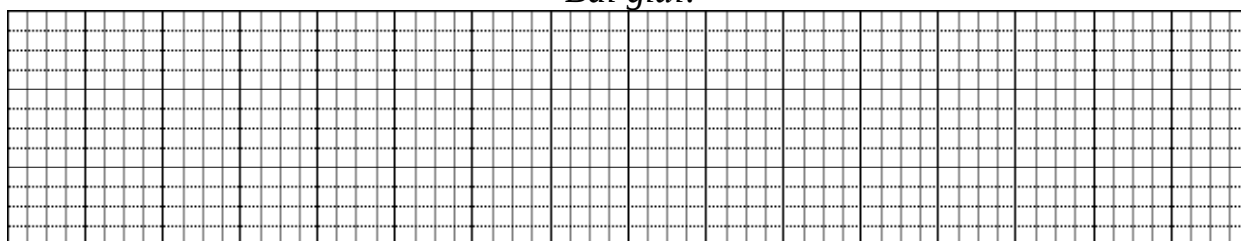
Bài 7: Tính độ dài đường gấp khúc sau:

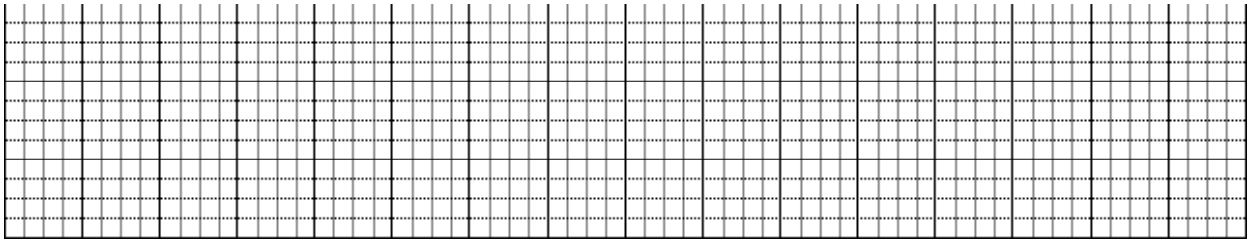


Bài giải:



Bài giải:

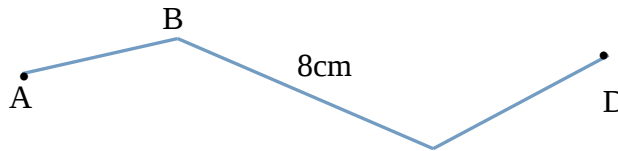




Bài 8*: Đường gấp khúc ABCD có độ dài là 18cm. Đoạn BC là 8cm, đoạn CD ngắn hơn đoạn BC là 2cm.

a) Đoạn CD dài

b) Đoạn AB dài



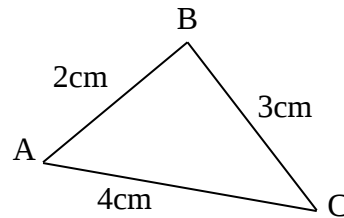
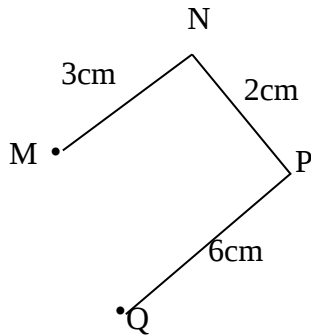
Bài 8: Trong hình bên có:

a, Có hình tam giác

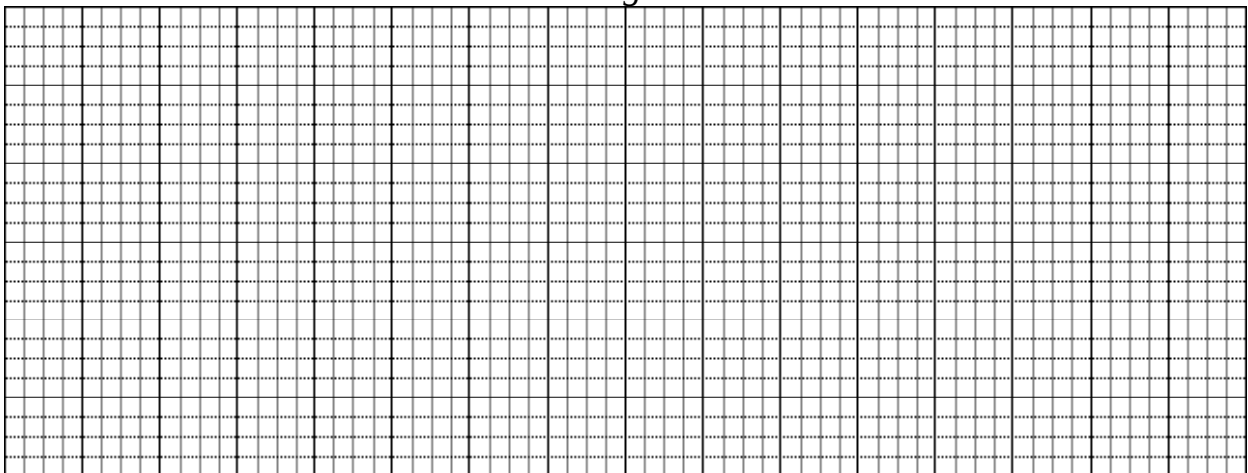
b, có đoạn thẳng.



Bài 9: Hãy so sánh độ dài đường gấp khúc MNPQ và độ dài đường gấp khúc ABC.

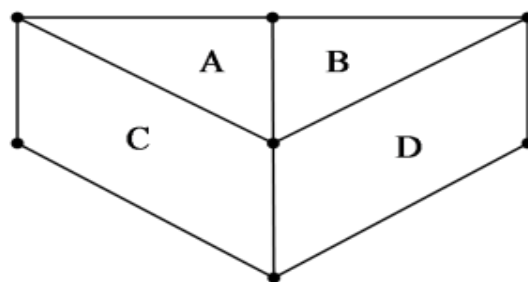


Bài giải:



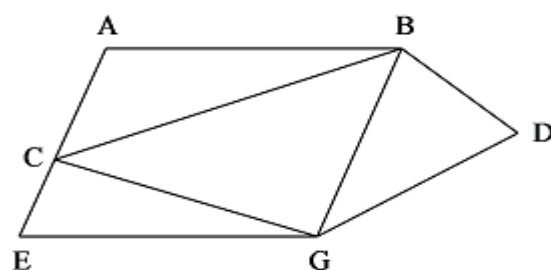
Bài 10: Trên hình vẽ dưới đây:

- a) Có ... hình tam giác
- b) Có ... hình tứ giác

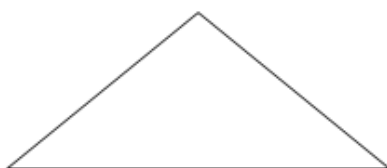


Bài 11. Hình vẽ bên có:

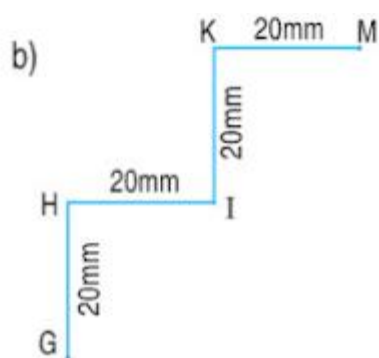
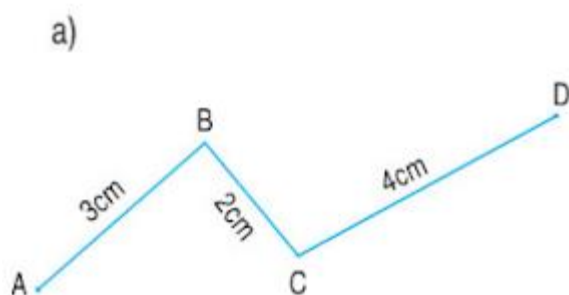
- a) ... hình tam giác
- b) ... hình tứ giác
- c) Có điểm
- d) Có đoạn thẳng



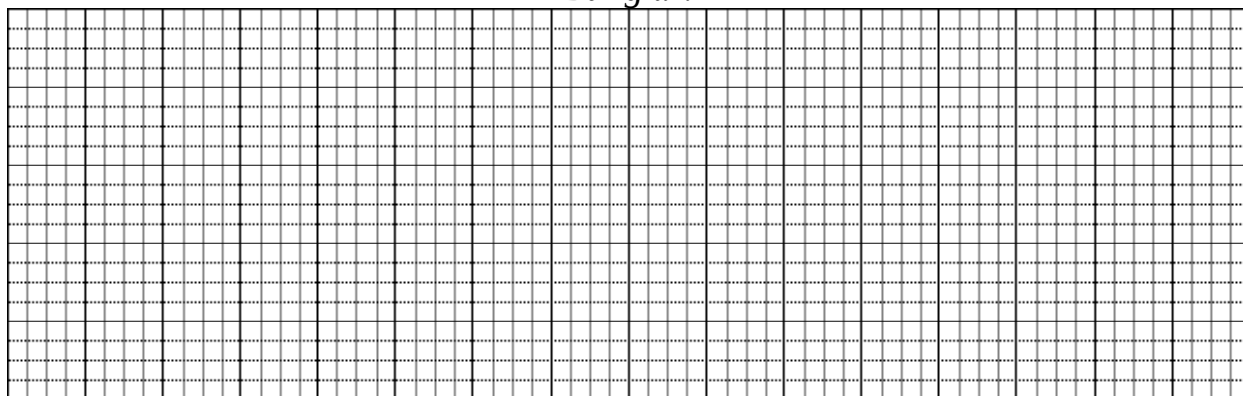
Bài 12: Kẻ thêm 3 đoạn thẳng để hình vẽ có thêm 4 hình tam giác.

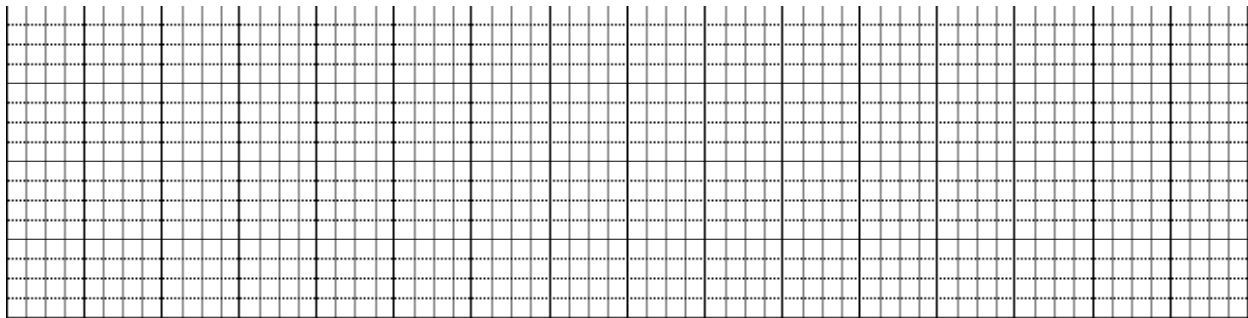


Bài 13: Tính độ dài đường gấp khúc sau: .



Bài giải:





BÀI 35: ÔN TẬP VỀ ĐO LƯỜNG

Bài 1: Số?

a. $20\text{ cm} = \dots\dots\text{dm}$

b. $500\text{ cm} = \dots\dots\text{m}$

c. $62\text{ cm} = \dots\dots\text{dm} \dots\dots\text{cm}$

d. $12\text{ m} = \dots\dots\text{cm}$

e. $2\text{m } 15\text{ cm} = \dots\dots\text{ cm}$

f. $2\text{cm } 5\text{ mm} = \dots\dots\text{mm}$

Bài 2: Viết số hoặc tên đơn vị đo thích hợp vào chỗ chấm:

a. Con lợn nặng khoảng 90

b. Con gà nặng khoảngkg

c. Con chó nặng khoảng 35

d. Buổi tối em thường đi ngủ lúc giờ.

e. Mỗi tháng gia đình em dùng hết khoảng 2 nước mắm.

Bài 3: Tính (theo mẫu): Mẫu: $12\text{g} + 34\text{g} - 20\text{g} = 26\text{g}$

a) $63\text{ cm} - 40\text{cm} - 12\text{ cm} = \dots\dots\dots$ b) $25\text{cm} - 12\text{cm} + 5\text{cm} = \dots\dots\dots$

c) $10\text{ cm} + 23\text{ cm} = \dots\dots\dots$ d) $50\text{l} + 30\text{l} - 22\text{l} = \dots\dots\dots$

Bài 4: Nối phép tính ở cột A với kết quả ở cột B.

A
$34\text{ kg} + 53\text{kg}$
$99\text{kg} - 42\text{kg}$
$45\text{cm} + 42\text{cm}$
$82\text{cm} - 15\text{cm}$
$30\text{l} + 48\text{l}$

B
67cm
57kg
78l
87cm
87kg

Bài 5. Nối phép tính với kết quả của phép tính đó:

$1\text{dm} + 2\text{cm}$

$1\text{dm} + 20\text{cm}$

30cm

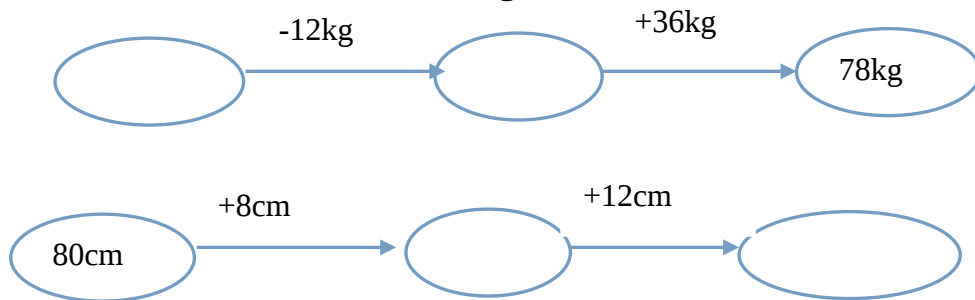
12cm

21cm

$2\text{dm} + 1\text{cm}$

$2\text{dm} + 10\text{cm}$

Bài 6: Điền số đo thích hợp vào ô trống:



Bài 7: Điền dấu (<, >, =)

a) 35 cm  17cm + 18cm

b) $52\text{ l} + 19\text{ l}$ 81 l

c) 42cm  71cm - 27cm

d) $61 \text{ kg} - 39 \text{ kg}$ 15 kg

Bài 8: Tính:

a) $21 \text{ cm} - 13 \text{ cm} = \dots\dots$ $14 \text{ kg} + 39 \text{ kg} = \dots\dots\dots$ $50 \text{ l} + 10 \text{ l} + 10 \text{ l} = \dots\dots\dots$

b) $44\text{ l} - 25\text{ l} = \dots\dots$ $9\text{ cm} + 50\text{ cm} = \dots\dots\dots$ $16\text{ l} - 9\text{ l} + 36\text{ l} = \dots\dots\dots$

Bài 9: Quang cân nặng 36kg. Minh cân nặng hơn Quang 8kg. Hỏi Minh cân nặng bao nhiêu li- lô- gam?

Bài giải:

[illegible]

Bài 10: Mẹ Lan mua 26l dầu, sau khi đun khoảng 2 tuần, Lan kiểm tra lại chỉ còn 19l. Hỏi nhà Lan đã đun hết bao nhiêu lít dầu?

Bài giải:

[illegible]

Bài 11*: Một mảnh vải dài 70 cm và 5 cm. Hỏi người ta cần cắt đi bao nhiêu xăng-ti-mét để mảnh vải còn lại dài 28 cm?

Bài giải:

[illegible]

Bài 12*. Tấm lụa dài 40 cm và 2 cm. Tấm lụa dài hơn tấm vải là 29 cm. Hỏi tấm vải dài bao nhiêu?

Bài giải:

[illegible]

Bài 13* : Mai cân nặng 32 kg, Hằng cân nặng ít hơn Mai 4 kg. Hỏi cả hai bạn cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải:

[illegible]

Bài 14: Một đàn vịt có 90 con ở dưới ao và 90 con ở trên bờ. Bây giờ có 10 con vịt ở dưới ao lên bờ phơi nắng. Hỏi bây giờ dưới ao còn lại bao nhiêu con vịt? Trên bờ có bao nhiêu con vịt?

Bài giải:

A large rectangular grid of graph paper. The grid is composed of 20 columns and 10 rows of squares. The outermost border of the grid is a solid black line. Inside this border, there is a second grid of squares, also 20 columns by 10 rows, but the lines forming this inner grid are dotted. This creates a margin of one square width on all four sides of the inner dotted grid.

Bài 15: Một cửa hàng có 56 kg đường. Sau một ngày bán hàng, cửa hàng còn lại 27 kg đường. Hỏi ngày đó, cửa hàng đã bán được bao nhiêu kg đường?

Bài giải:

[illegible]

BÀI 36: LUYỆN TẬP CHUNG**MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I****Đề 1****Phần I : TRẮC NGHIỆM (6 điểm)****Câu 1:** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

a, (1 điểm) Số liền trước số 68 là:

A. 70

B. 69

C. 67

D. 71

b, (1 điểm) Hình tứ giác là hình có.....cạnh

A. 4

B. 3

C. 2

D. 5

c, (1 điểm) Số bị trừ là 47, số trừ là 19, hiệu của phép tính đó là:

A. 66

B. 28

C. 38

D. 56

d,(1điểm) $88 - 21 + 16 = \dots$ Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 38

B. 82

C. 84

D. 83

Câu 2: (1 điểm) Số ?a) $31\text{ l} + 19\text{ l} = \dots$ b) $54\text{ kg} - 27\text{ kg} = \dots$ **Câu 3:** (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 45

b) 86

+

-

$$\begin{array}{r} 8 \\ 53 \\ \hline \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ 06 \\ \hline \end{array} \quad \square$$

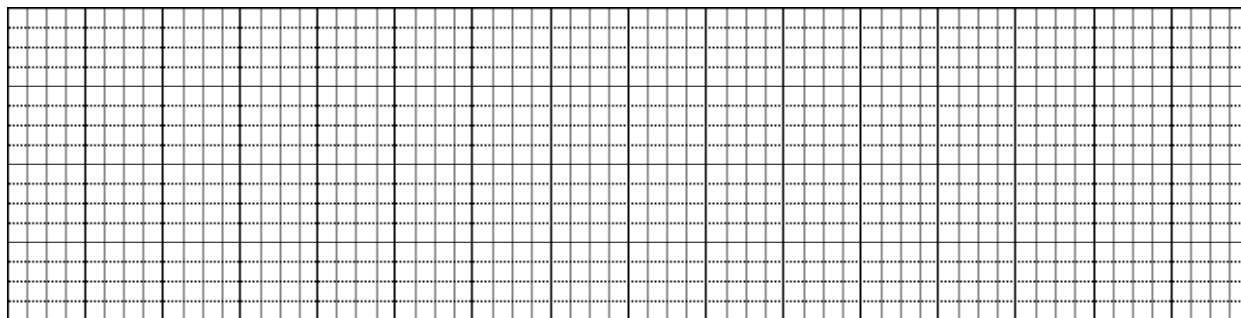
Phần 2: TỰ LUẬN (4 điểm)**Câu 1:** (2 điểm) Đặt tính rồi tính

$37 + 18$

$44 - 7$

$9 + 68$

$72 - 34$

**Câu 3:** (1 điểm) Kẻ thêm một đoạn thẳng vào hình sau để được 6 hình tứ giác.

Câu 3: (1 điểm) Mai có 4 chục bông hoa. Mai cho bạn 17 bông hoa. Hỏi Mai còn lại bao nhiêu bông hoa?

Bài giải:

[illegible]

Đề 2

Câu 1: (4,5đ) Mỗi bài tập dưới đây có kèm theo một số câu trả lời A, B, C, D (là đáp số, kết quả tính) . Hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. (0,5 điểm) Số liền trước của 69 là:

- A. 60 B. 68 C. 70 D. 80

2. (1 điểm) - 37 = 45. Số cần điền vào ô trống là:

- A. 8 B. 72 C. 82 D. 92

3. (1 điểm) Tháng 1 có ngày. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 28 B. 29 C. 30 D. 31

4. (0,5 điểm) Trong phép trừ: $56 - 23 = 33$, số 56 gọi là:

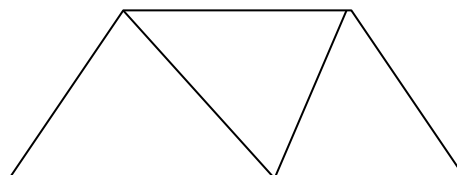
- A. Số hàng B. Hiệu C. Số bị trừ D. Số trừ

5. (0,5 điểm) Kết quả của phép tính: $72\text{ l} - 27\text{ l} = \dots\dots\dots$

- A. 55 B. 55 l C. 45 l D. 45

6. (1 điểm) Hình bên có số hình tứ giác là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4



Câu 2. (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S

- a) $15l - 9l = 6l$ b) $8\text{dm} + 7\text{dm} = 14\text{ dm}$

Câu 3. (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $20\text{ cm} + 4\text{ cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$ b) $30\text{ cm} + 6\text{ cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$

Câu 4. (1,5 điểm) Bao ngô cân nặng 5 chục ki – lô – gam. Bao thóc nặng hơn bao ngô 5kg. Hỏi bao thóc cân nặng bao nhiêu ki – lô – gam?

Bài giải:

[illegible]

